

LỜI MỞ ĐẦU

Bước vào năm 2009 trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới nghiêm trọng đã tác động không nhỏ tới tình hình kinh tế trong nước. Suy thoái kinh tế kéo theo người lao động mất việc làm, thị trường và thu nhập bị thu hẹp, người tiêu dùng đã nghĩ đến việc tiết kiệm chi tiêu. Do đó, các doanh nghiệp luôn phải cố gắng hết sức để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi, bù đắp được chi phí bỏ ra và tối đa hóa được lợi nhuận. Muốn làm được điều đó, các doanh nghiệp phải tiết kiệm chi tiêu để giảm chi phí, đồng thời nâng cao doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Chính vì vậy mà chi phí và doanh thu đã trở thành hai mặt không thể tách rời của một vấn đề - vấn đề hiệu quả kinh doanh, mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh nên trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy, được sự quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện của Ban lãnh đạo và các cán bộ công nhân viên phòng kế toán, cùng với sự chỉ dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn, em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.... và em đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: ***“ Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy”***.

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương:

- ***Chương 1: Lý luận chung về chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh và kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***
- ***Chương 2: Tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy.***
- ***Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy.***

Do thời gian thực tập có hạn, việc thu thập tài liệu, tìm hiểu về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM-DV Dầu khí Anh Thúy còn chưa sâu sắc và do kiến thức thực tế còn ít nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý của Ban lãnh đạo và các cán bộ, công nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy cùng toàn thể các thầy cô giáo bộ môn để bài viết của em hoàn chỉnh và sát với thực tế hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ, DOANH THU, KẾT QUẢ
KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU, XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số nét về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh:

1.1.1. Về doanh thu:

1.1.1.1. Khái niệm:

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Hay nói cách khác, doanh thu của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền sẽ thu được do tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp:

Doanh thu của doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bởi lẽ:

- Trước hết, doanh thu là nguồn quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu cho doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn giản cũng như có thể tái sản xuất mở rộng. Trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Doanh thu là nguồn thu chính để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định.

- Doanh thu là nguồn thu chủ yếu giúp nâng cao khả năng tài chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác....

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh quy mô của quá trình sản xuất, phản ánh trình độ tổ chức sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp, nó chứng tỏ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp được người tiêu dùng chấp nhận và có chỗ đứng trên thị trường.

1.1.1.3. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu:

a. Các loại doanh thu:

❖ *Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ:*

* **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* **Doanh thu tiêu thu nội bộ:** là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc trong toàn công ty, tổng công ty. Sự phân cấp quản lý giữa các đơn vị trực thuộc (cấp trên, cấp dưới) trong cùng Công ty, Tổng công ty làm phát sinh doanh thu nội bộ.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Các khoản này được ghi nhận để làm cơ sở tính doanh thu thuần và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản chiết khấu mà doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- **Hàng bán bị trả lại:** là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ trong kỳ (đã chuyển giao quyền sở hữu cho khách hàng, khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán) nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, sai chủng loại....

- **Giảm giá hàng bán:** là việc doanh nghiệp chấp nhận một cách đặc biệt về sự giảm giá đối với những hàng hóa đã bán cho khách hàng do doanh nghiệp vi phạm các điều kiện trong hợp đồng hoặc trong cam kết giữa hai bên.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:** là những loại thuế gián thu được tính trên doanh thu bán hàng của doanh nghiệp; do người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu; doanh nghiệp không phải chịu thuế mà chỉ là đơn vị nộp thuế hộ người tiêu dùng.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại:

- Thu lãi từ các hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lợi nhuận được chia); Lãi góp vốn cổ phần (cổ tức); Lãi tiền gửi ngân hàng thuộc vốn kinh doanh; Lãi tiền cho vay; Tiền lãi do bán hàng trả chậm, trả góp; Lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn (công trái, trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu)....

- Thu tiền lãi do hoạt động nhượng bán ngoại tệ, thu về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ.

- Phân bổ dần lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn XDCB trước hoạt động khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

- Tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay của Nhà nước trong kinh doanh (nếu có).

- Lãi chuyển nhượng vốn, thu hồi vốn.

- Thu tiền chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng.

- Thu cho thuê bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm máy vi tính.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Doanh thu hoạt động khác:** là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Những khoản thu nhập khác có thể do chủ quan của doanh nghiệp hay khách quan đưa lại, bao gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

- Thu về tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.

- Thu về các khoản thuế phải nộp được nhà nước giảm (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

- Thu nhập về quà biếu, quà tặng bằng tiền hoặc hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

- Các khoản thu nhập của những năm trước bị bỏ sót hay lãng quên ghi sổ kế toán năm nay mới phát hiện ra....

- Giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận.

- Các khoản thu khác: thu từ bán vật tư, hàng hóa, tài sản di thừa, bán CCDC đã phân bổ hết giá trị, bị hư hỏng hoặc không cần sử dụng....

b. Phương pháp xác định doanh thu:

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

1.1.1.4. Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

1.1.2. Về chi phí:

1.1.2.1. Khái niệm:

Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

1.1.2.2. Vai trò, vị trí của chi phí trong các doanh nghiệp:

Chi phí có vai trò rất to lớn trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề hàng đầu luôn được đặt ra cho các doanh nghiệp là phải kiểm soát và tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.2.3. Các loại chi phí:

❖ Chi phí sản xuất kinh doanh:

***Giá vốn hàng bán:** là giá gốc của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ; còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

*** Chi phí bán hàng:** là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương, các khoản tính cho quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... phải trả cho nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ hàng hóa tiêu thụ.

- Chi phí vật liệu, bao bì: là các chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng chẳng hạn vật liệu bao gói, vật liệu dùng cho lao động của nhân viên (giẻ lau, xà phòng...), vật liệu dùng cho sửa chữa quầy hàng....

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là các loại chi phí cho dụng cụ cân, đong, đo, đếm, bàn ghế, máy tính cầm tay... phục vụ cho bán hàng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: là chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng (nhà cửa, kho tàng, phương tiện vận chuyển...).
- Chi phí bảo hành sản phẩm: là chi phí chi cho sản phẩm trong thời gian được bảo hành theo hợp đồng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển hàng hóa để tiêu thụ, tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu.
- Chi phí bằng tiền khác: là các chi phí khác phát sinh trong khi bán hàng, ngoài các chi phí kể trên, như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng....

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được chia thành các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu quản lý: là giá trị vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như giấy, bút mực, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ....
- Chi phí đồ dùng văn phòng: là giá trị dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp, như nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng tại văn phòng.

- Thuế, phí và lệ phí: là các khoản chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: bao gồm các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp, dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm... tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài, như: tiền điện, nước, điện thoại, điện báo, thuê nhà, thuê sửa chữa TSCĐ thuộc văn phòng doanh nghiệp, chi phí kiểm toán, tư vấn.

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe đi phép, dân quân tự vệ, đào tạo cán bộ, khoản chi cho lao động nữ, trợ cấp thôi việc....

❖ Chi phí tài chính:

Là các khoản chi phí tài chính đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí liên doanh, liên kết không tính vào giá trị vốn góp.
- Chi phí mua bán chứng khoán kể cả tổn thất trong đầu tư (nếu có).
- Lỗ do nhượng bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ.
- Phân bổ dần lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn XDCB trước hoạt động khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.
- Lỗ liên doanh, lỗ chuyển nhượng vốn, lỗ thu hồi vốn.
- Chi phí về lãi tiền vay phải trả (không bao gồm lãi tiền vay dài hạn để XDCB khi công trình chưa đưa vào sử dụng).
- Chi phí về lãi trái phiếu phát hành và phân bổ dần chiết khấu trái phiếu (không bao gồm trái phiếu phát hành để XDCB khi công trình chưa đưa vào sử dụng).
- Phân bổ dần lãi khi mua TSCĐ trả chậm, trả góp.

- Chi phí tiền lãi khi thuê TSCĐ thuê tài chính.
- Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua hàng.
- Lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

❖ **Chi phí khác:**

Là các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Những khoản chi phí khác có thể do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan đưa tới, bao gồm:

- Giá trị còn lại của TSCĐ khi nhượng bán hoặc thanh lý.
- Chi phí nhượng bán và thanh lý TSCĐ.
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.
- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Chi phí để thu tiền phạt.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác....

1.1.3. Về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

1.1.3.1. Khái niệm:

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ, hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Có thể khái quát mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh thu – chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh bằng sơ đồ sau:

LN thuần	Thuế TNDN		
Lợi nhuận trước thuế		CP quản lý và CP bán hàng	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			Trị giá vốn hàng bán
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. - Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			

Sơ đồ 01: Mối quan hệ giữa doanh thu – chi phí và kết quả kinh doanh của hoạt động bán hàng.

1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3.3. Ý nghĩa, tác dụng, vai trò của kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh giữ vị trí quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp vì trong điều kiện hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường, doanh nghiệp có tồn tại và phát triển được hay không, điều quyết định chính là kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như thế nào.

Kết quả kinh doanh có tác động đến tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp, có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, là điều kiện quan trọng đảm bảo cho tình hình tài chính của doanh nghiệp được vững chắc.

Kết quả kinh doanh là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh còn tạo ra nguồn tích lũy cơ bản để mở rộng tái sản xuất xã hội và thể hiện sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

- Phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xuất bán sản phẩm, hàng hóa để xác định đúng đắn giá vốn hàng tiêu thụ.

- Tính toán kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản bị giảm trừ và thanh toán với ngân sách các khoản phải nộp để làm căn cứ cho việc xác định doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tiến hành tập hợp các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp chi phí tài chính và chi phí khác phát sinh trong kỳ chính xác và kịp thời để làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Xác định đầy đủ, chính xác kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

1.2.1. Kế toán doanh thu:

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu:

1.2.1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng:

a. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng:

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu
- Ủy nhiệm thu, Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

- Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Bảng kê bán lẻ sản phẩm hàng hóa

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra

- Nhật ký chung, hoặc Nhật ký – chứng từ, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký – sổ cái.

- Sổ cái TK 511,512

- Bảng cân đối số phát sinh

- Báo cáo tài chính

- Các sổ sách liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm doanh thu.

Bên Nợ:

- Số thuế phải nộp (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp) tính trên doanh số bán trong kỳ.

- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu của hàng bán bị trả lại.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2:

+ TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã xác định là tiêu thụ

+ TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng thành phẩm và bán thành phẩm đã được xác định là tiêu thụ.

+ TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần khối lượng dịch vụ, lao vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ.

+ TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: dùng để phản ánh doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư của doanh nghiệp, bao gồm: doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, doanh thu bán bất động sản đầu tư.

TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu nội bộ trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại
- Chiết khấu thương mại phát sinh đã kết chuyển
- Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp cho số hàng trên thu nội bộ
- Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hóa tiêu thụ nội bộ (phương pháp trực tiếp)
- Doanh thu nội bộ thuần kết chuyển vào tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ, TK 512 không có số dư và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- + TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

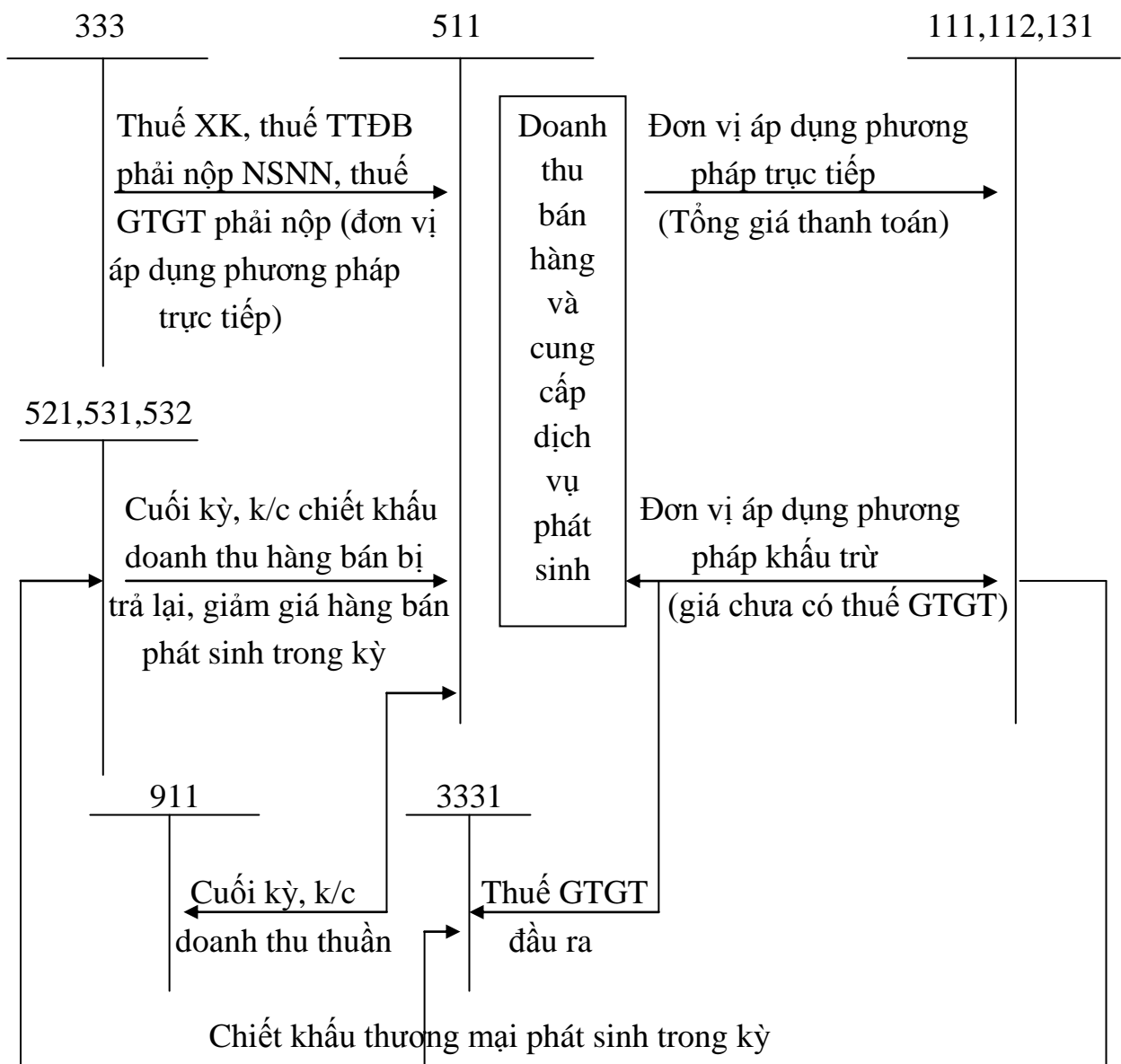
b. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng:

❖ Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

***Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp:**

Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi

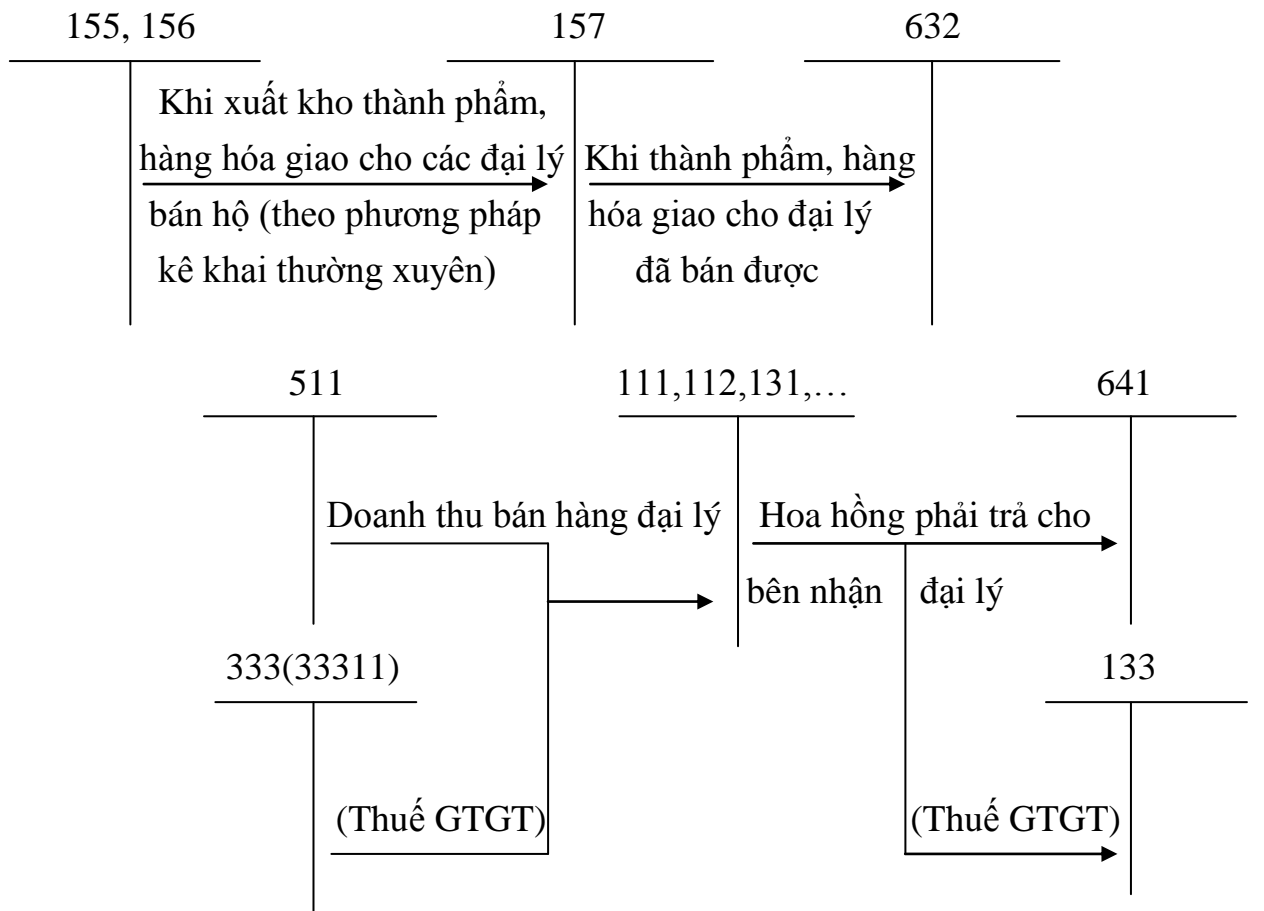
bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.



Sơ đồ 02: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

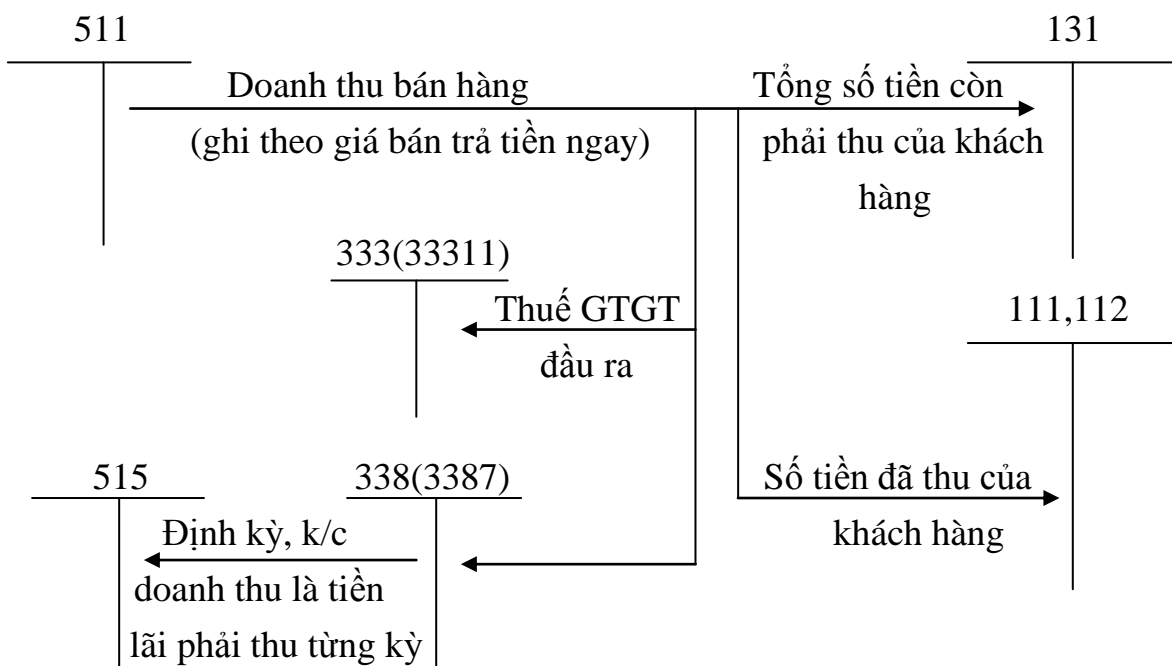
***Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng thông qua đại lý (bán đúng giá hưởng hoa hồng):**

Theo phương thức này, hàng ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi chính thức tiêu thụ. Riêng số tiền hoa hồng trả cho đại lý được tính vào chi phí bán hàng. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Trường hợp bên đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ chịu thuế GTGT tính trên phần GTGT.



Sơ đồ 03: Quy trình hạch toán DT bán hàng theo phương thức bán qua đại lý.

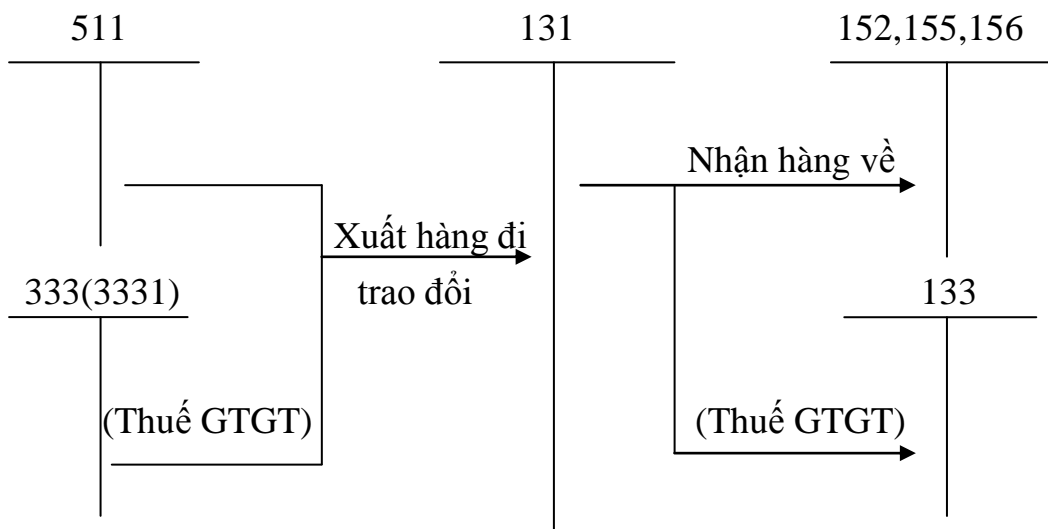
***Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:**



Sơ đồ 04: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

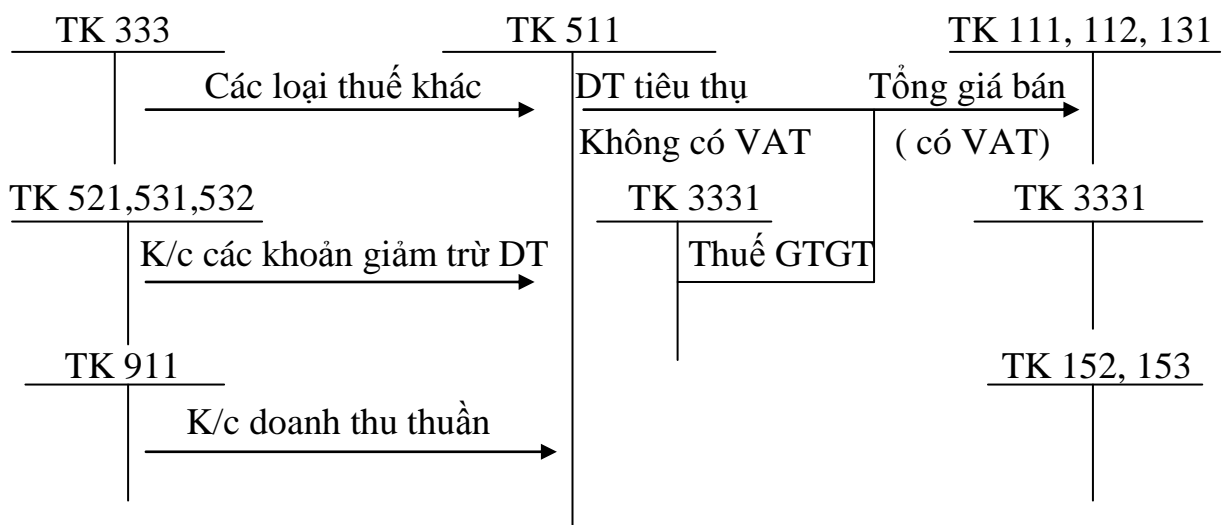
=> Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

***Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng không tương đương:**



Sơ đồ 05: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng không tương đương.

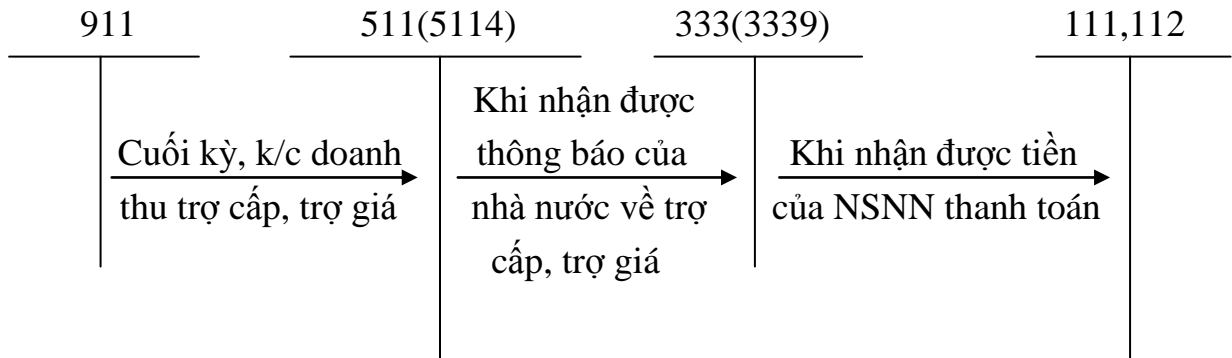
***Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:**



Sơ đồ 06: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

=> Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa chỉ ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

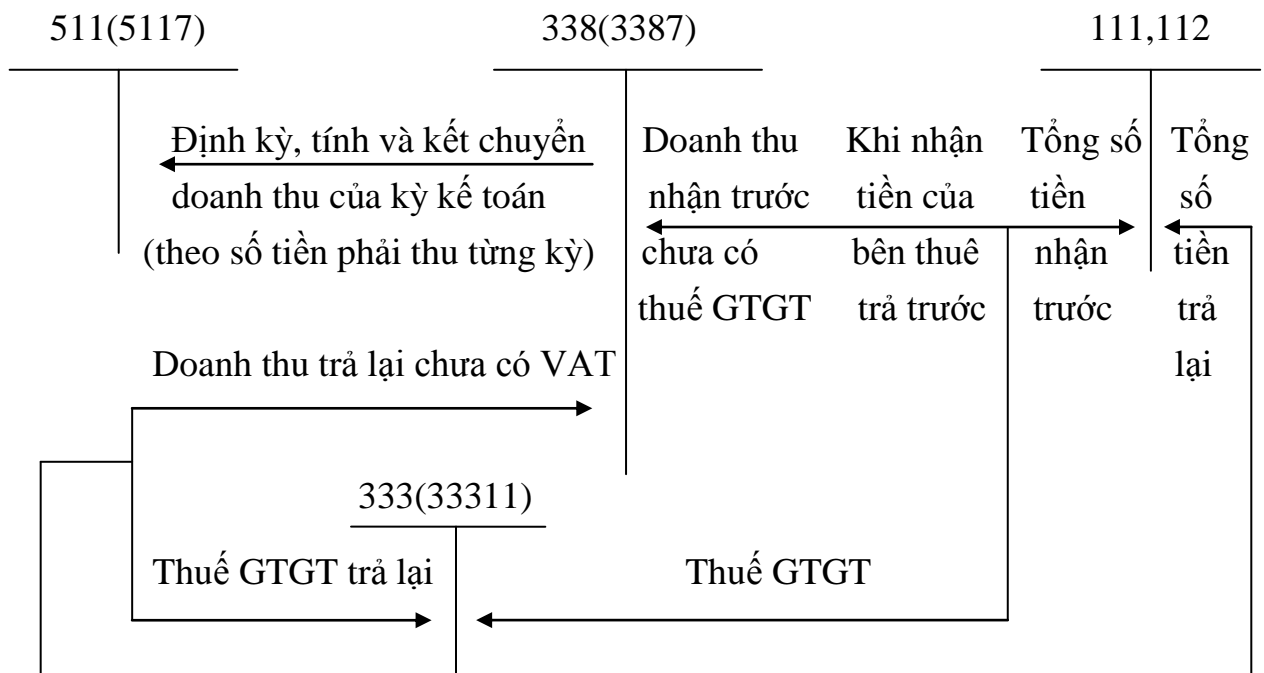
***Kế toán doanh thu trợ cấp, trợ giá:**



Sơ đồ 07: Quy trình hạch toán doanh thu trợ cấp, trợ giá.

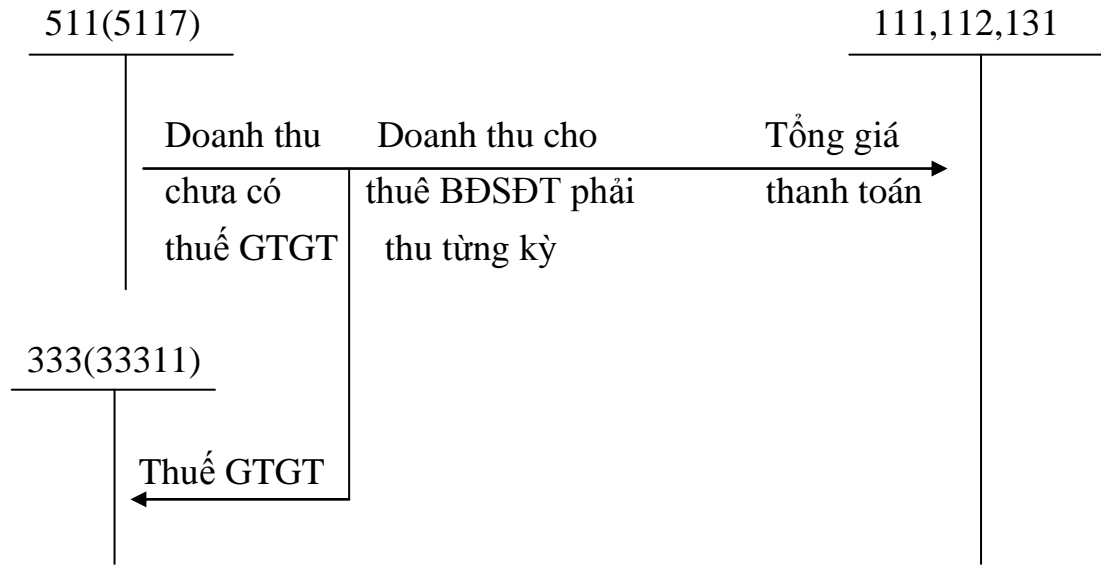
***Kế toán doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư: (Đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)**

✓ Nếu thu trước tiền cho thuê hoạt động BĐSĐT nhiều kỳ:



Khi trả lại tiền cho bên thuê vì hợp đồng cho thuê hoạt động BĐSĐT không được thực hiện tiếp hoặc thời gian thực hiện ngắn hơn thời gian đã thu tiền trước

✓ Nếu định kỳ thu tiền cho thuê hoạt động BĐSĐT:

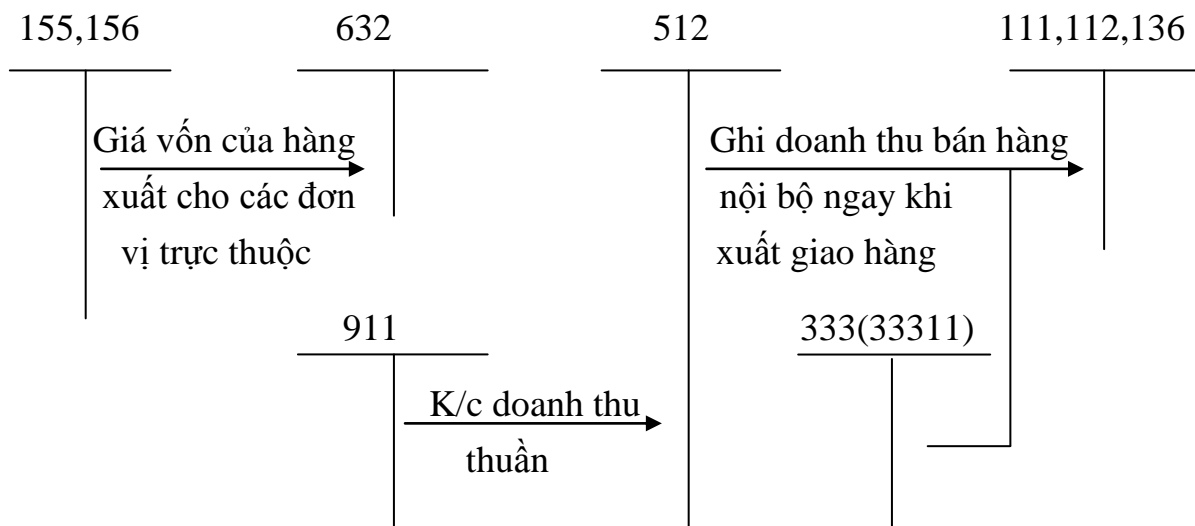


Sơ đồ 08: Quy trình hạch toán doanh thu cho thuê hoạt động BĐSĐT.

Chú ý: Doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu cho thuê BĐSĐT là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT).

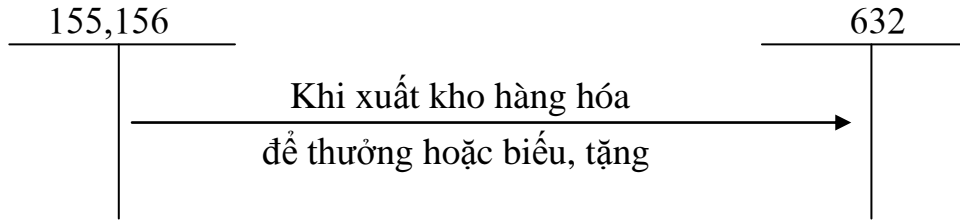
❖ **Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng nội bộ:**

* **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:**

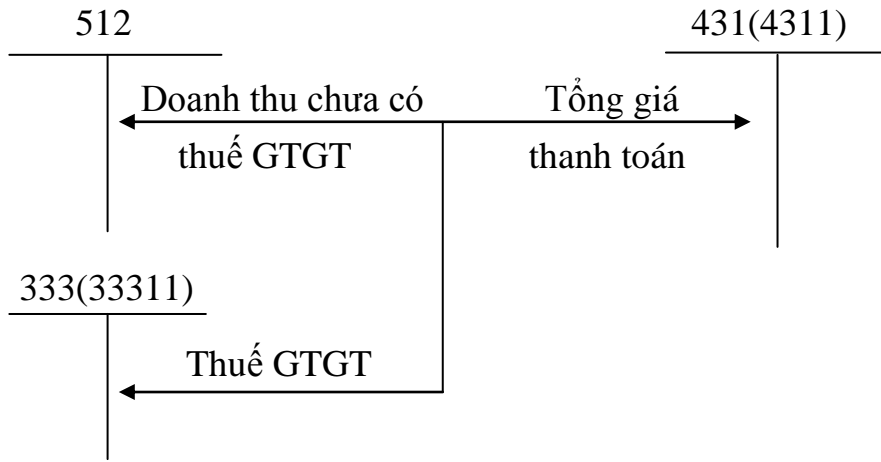


Sơ đồ 09: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

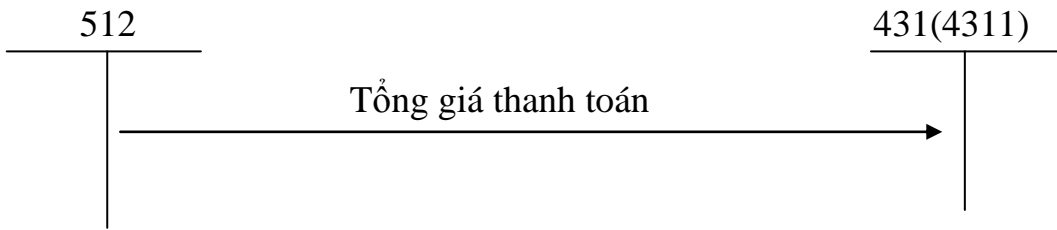
***Kế toán doanh thu xuất hàng để biếu tặng:**



-Nếu sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

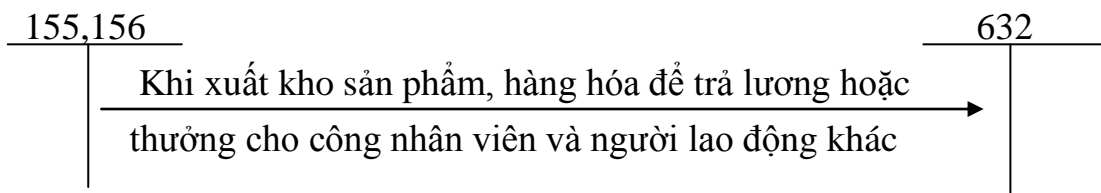


-Nếu sản phẩm, hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:

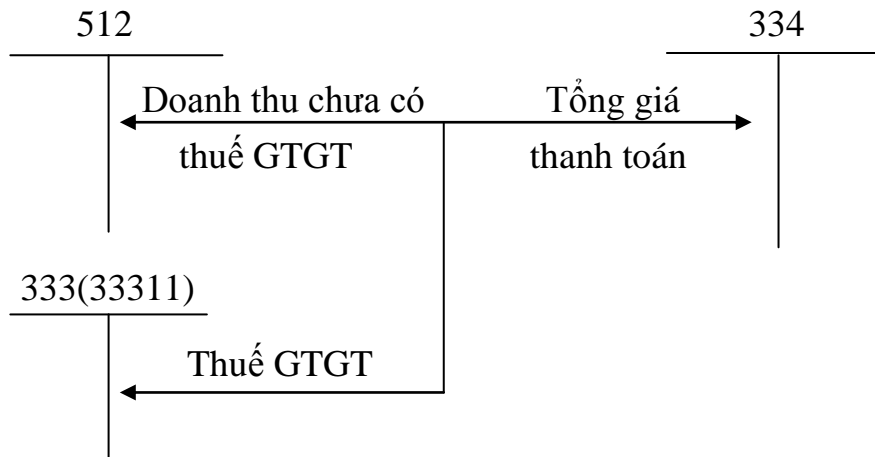


Sơ đồ 10: Quy trình hạch toán doanh thu xuất hàng để biếu tặng.

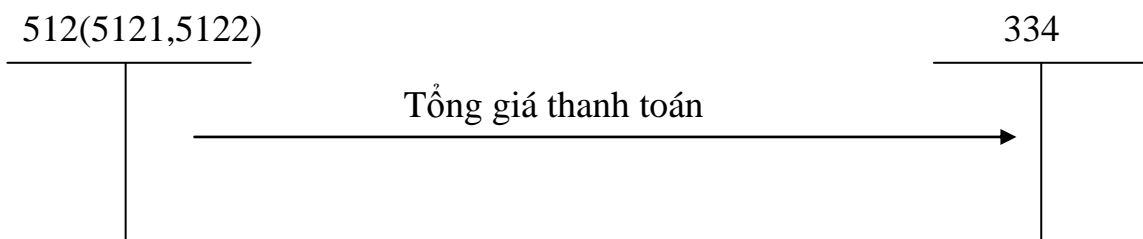
***Kế toán doanh thu dùng sản phẩm, hàng hóa để trả lương hoặc thưởng cho người lao động:**



-Nếu sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:



-Nếu sản phẩm, hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:



Sơ đồ 11: Quy trình hạch toán doanh thu dùng sản phẩm, hàng hóa để trả lương hoặc thưởng cho người lao động.

1.2.1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

❖ Sổ sách liên quan:

- Nhật ký chung, hoặc Nhật ký – sổ cái, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký – chứng từ.
- Sổ cái TK 521, 531, 532, 333 (3331, 3332, 3333)
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính
- Các sổ sách liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 521 – Chiết khấu thương mại: Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua

hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

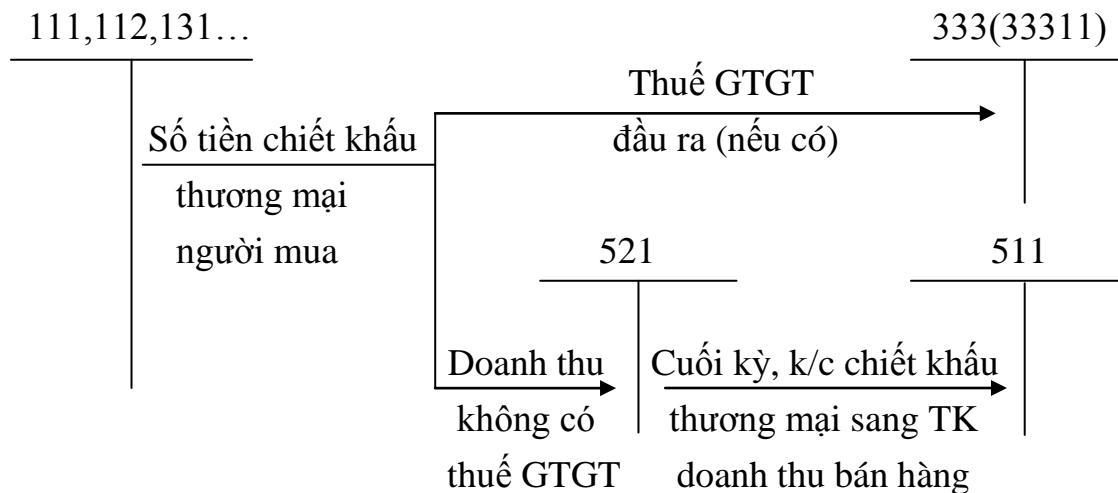
Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- + TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- + TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ.

Kế toán chiết khấu thương mại (doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ):



Sơ đồ 12: Quy trình hạch toán chiết khấu thương mại tại doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

TK 531 – Hàng bán bị trả lại: Dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm lao vụ dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Trị giá của số hàng bán bị trả lại bằng số lượng hàng bị trả lại nhân (x) với đơn giá ghi trên hóa đơn khi bán.

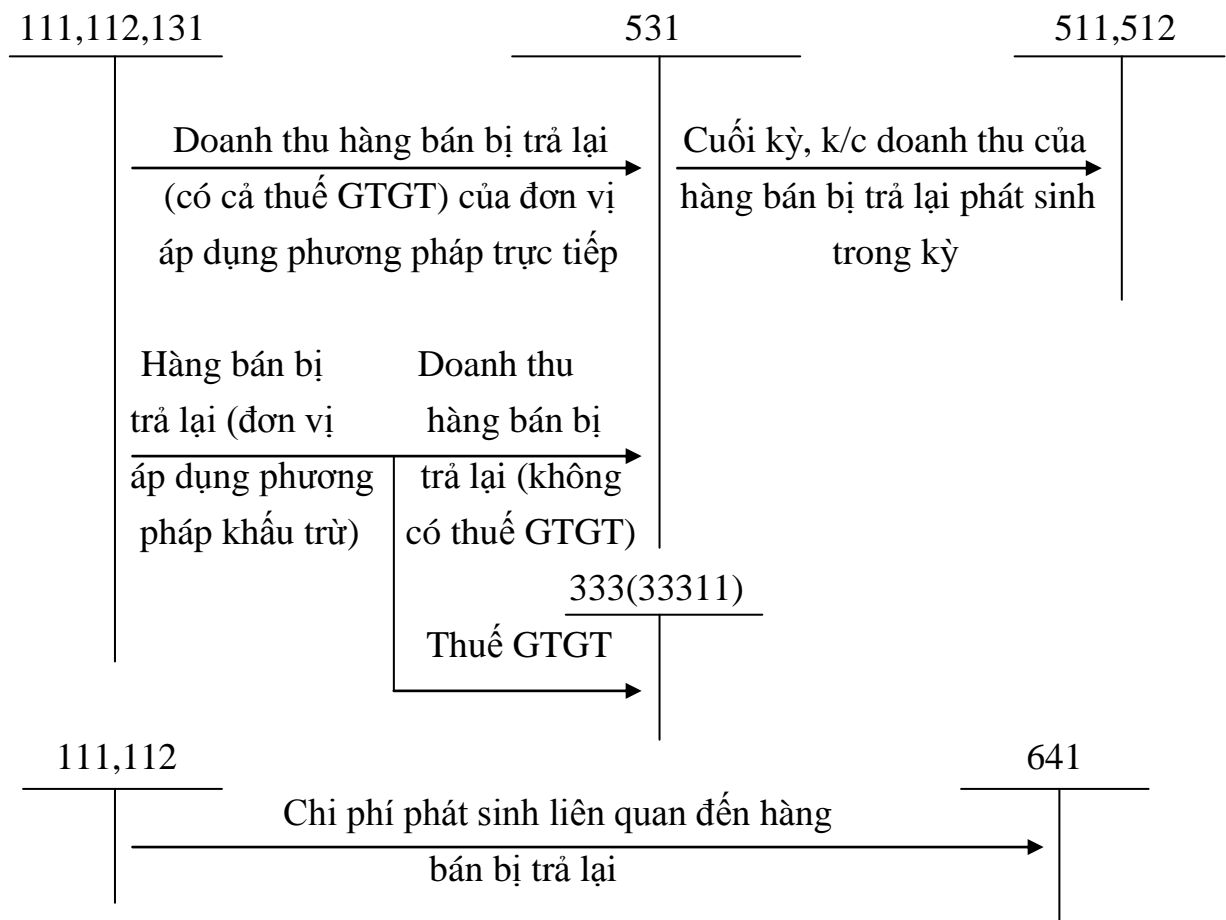
Bên Nợ: Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.

Bên Có: Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ.

TK 531 cuối kỳ không có số dư.

TK 531 chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn) và số lượng hàng trả lại. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 – Chi phí bán hàng.

Kế toán hàng bán bị trả lại:



Sơ đồ 13: Quy trình hạch toán hàng bán bị trả lại.

TK 532 – Giảm giá hàng bán: được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng trên giá mua đã thỏa thuận vì các lý do chủ quan của doanh nghiệp (hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế).

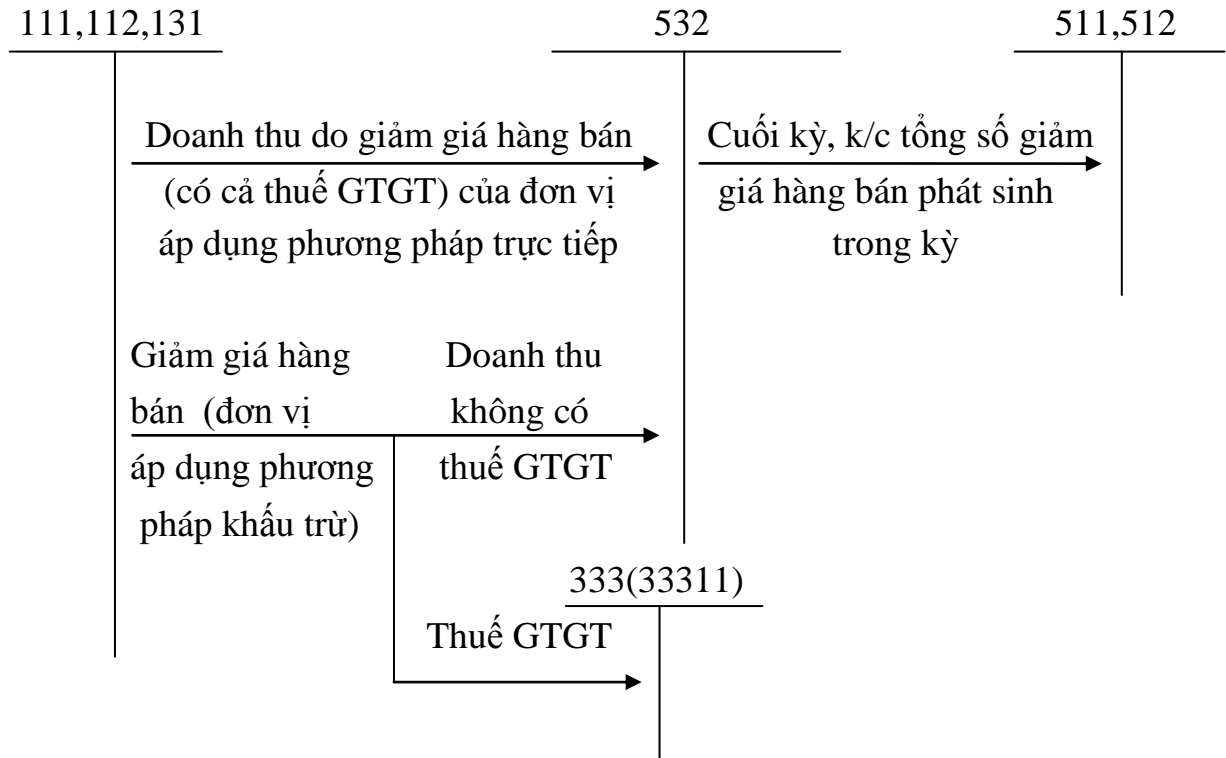
Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu.

TK 532 cuối kỳ không có số dư.

(Chú ý: Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn do hàng bán kém, mất phẩm chất).

Kế toán giảm giá hàng bán:



Sơ đồ 14: Quy trình hạch toán giảm giá hàng bán.

TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: dùng để phản ánh các khoản nộp tài chính bắt buộc mà doanh nghiệp phải có nghĩa vụ thanh toán với Nhà nước trong kỳ kế toán, bao gồm:

- Các loại thuế trực thu, gián thu.
- Khấu hao cơ bản TSCĐ thuộc vốn ngân sách.
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác phát sinh theo chế độ quy định.

Bên Nợ: + Nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản khác cho Nhà nước.
 + Số thuế được Nhà nước giảm hoặc khấu trừ.
 + Số tiền trợ cấp, trợ giá của Nhà nước chưa nhận được.

Bên Có: + Thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp Nhà nước.
 + Số tiền trợ cấp, trợ giá của Nhà nước đã nhận được.

Số dư bên Có: số tiền doanh nghiệp còn nợ Nhà nước.

Số dư bên Nợ: số tiền doanh nghiệp nộp thừa cho Nhà nước hoặc số tiền trợ cấp, trợ giá của Nhà nước chưa nhận được.

TK 333 được chi tiết thành 9 tài khoản cấp 2, nhưng để ghi giảm doanh thu bán hàng trong kỳ thì chỉ sử dụng các tài khoản sau:

- + Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp) – TK 3331
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt – TK 3332
- + Thuế xuất khẩu – TK 3333

1.2.1.2. Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính:

❖ Sổ sách liên quan:

- Nhật ký chung, hoặc Nhật ký – sổ cái, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký – chứng từ.
- Sổ cái TK 515
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bên Nợ: - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên Có: - Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;

- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 cuối kỳ không có số dư.

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Nhật ký – sổ cái, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký – chứng từ.
- Sổ cái TK 711
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 711 – Thu nhập khác: dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

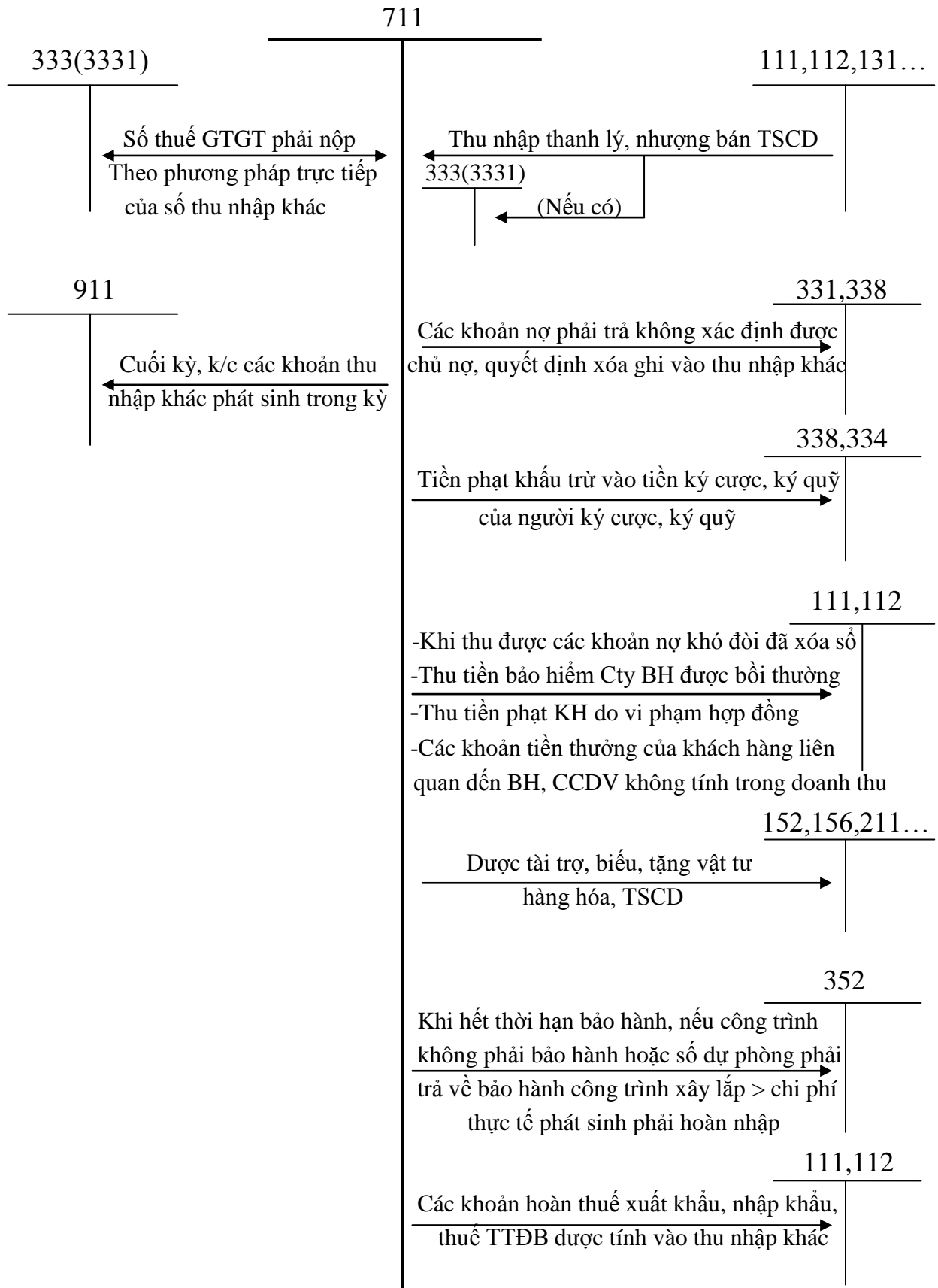
Bên Nợ: - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

-Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 15: Quy trình hạch toán thu nhập khác.

1.2.2. Kế toán chi phí:

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Nhật ký – sổ cái, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký – chứng từ.
- Sổ cái TK 632, 156, 155, 157....
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 155 – Thành phẩm: dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm và tồn kho thành phẩm của doanh nghiệp.
- TK 156 – Hàng hóa: dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình tăng, giảm và tồn kho các loại hàng hóa của doanh nghiệp (bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản).
- TK 157 – Hàng gửi bán: tài khoản này được sử dụng để theo dõi giá trị sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng hoặc giá trị sản phẩm, hàng hóa nhờ bán đại lý, ký gửi hay giá trị lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho người đặt hàng, người mua hàng chưa được chấp nhận thanh toán. Số hàng hóa, sản phẩm, lao vụ này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.
- TK 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Tài khoản 611 chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Tài khoản 611 - Mua hàng, có 2 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 6111 - Mua nguyên liệu, vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán.

+ *Tài khoản 6112 - Mua hàng hoá:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hoá mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

- TK 632 – Giá vốn hàng bán: dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của sản phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ. TK 632 được áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ.

Bên Nợ:

- + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào chi phí trong kỳ.
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước.

Bên Có:

- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước.
- + Kết chuyển giá vốn để xác định kết quả kinh doanh.

TK 632 cuối kỳ không có số dư.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa bán ra, các doanh nghiệp có thể áp dụng tính giá vốn hàng bán theo 1 trong 4 phương pháp sau:

**Phương pháp bình quân gia quyền:*

- Theo phương pháp này, trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\frac{\text{Trị giá vốn hàng xuất kho}}{\text{Số lượng thực tế hàng xuất kho}} = \frac{\text{Đơn giá bình quân}}{\text{Số lượng thực tế hàng xuất kho}} \times \text{Số lượng thực tế hàng xuất kho}$$

-Đơn giá bình quân được tính theo 1 trong 2 cách sau:

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ của hàng } i = \frac{\text{Trị giá hàng } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng } i \text{ nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

(Chú ý: đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ tính toán đơn giản nhưng chỉ thực hiện được vào cuối kỳ kế toán).

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập } j}$$

(Chú ý: Về nguyên tắc, cứ sau mỗi lần nhập, kế toán phải tính lại đơn giá một lần. Để giảm bớt khối lượng tính toán, ta chỉ cần tính đơn giá sau lần nhập kế trước lần xuất).

**Phương pháp nhập trước – xuất trước: (FIFO)*

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập vào kho trước sẽ được xuất ra trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giảm phát.

**Phương pháp nhập sau xuất trước: (LIFO)*

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

Khi lấy hàng xuất kho, kế toán lấy từ dưới trở lên theo trình tự thời gian kể từ

ngày xuất kho.

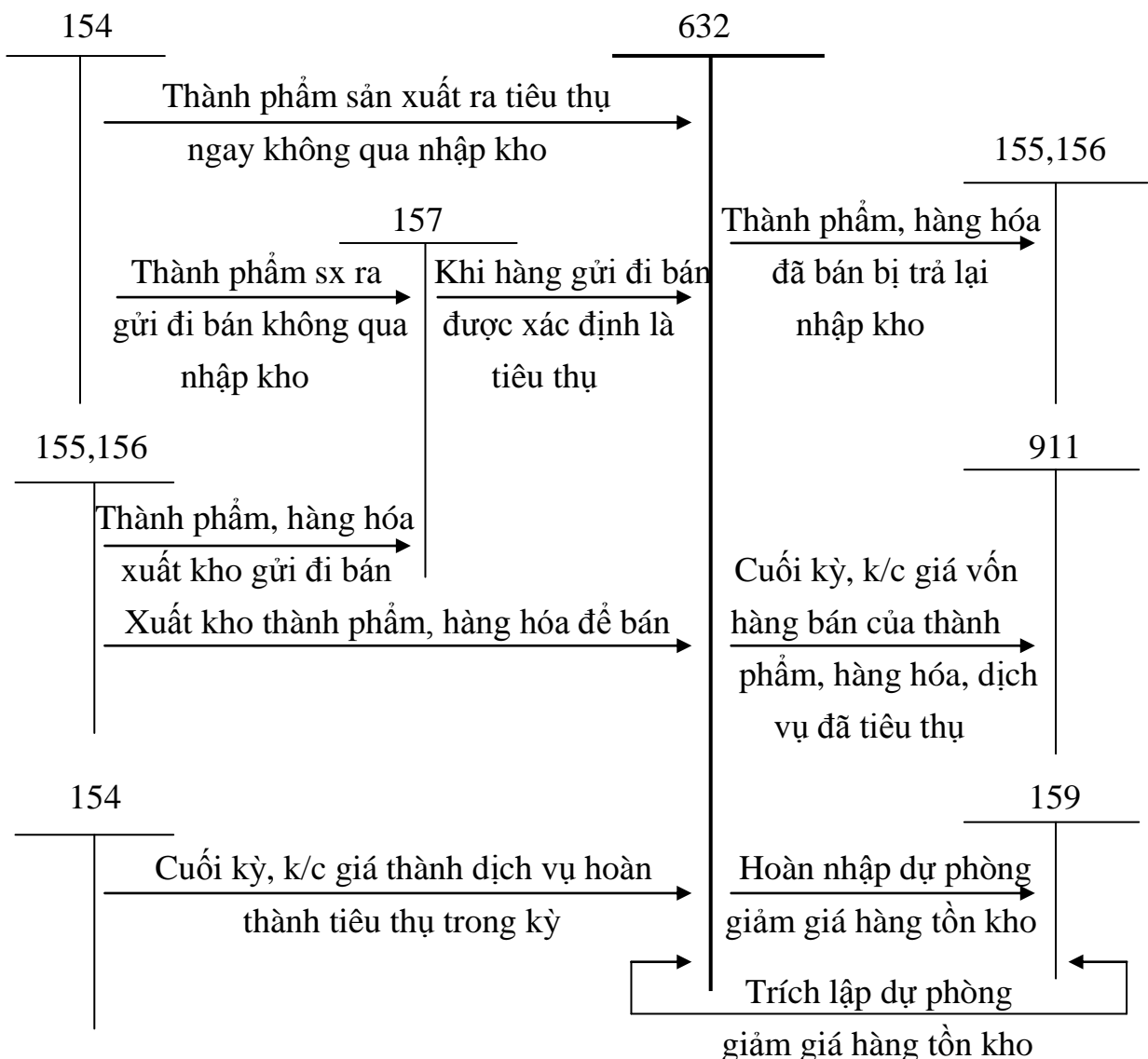
**Phương pháp giá đích danh:*

Theo phương pháp này, giá của hàng nhập kho sẽ được giữ nguyên kể từ khi nhập cho đến khi xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào, ta lấy theo giá của mặt hàng đó.

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, giữa các mặt hàng có tính tách biệt cao, có điều kiện bảo quản riêng rẽ từng lô hàng như: doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

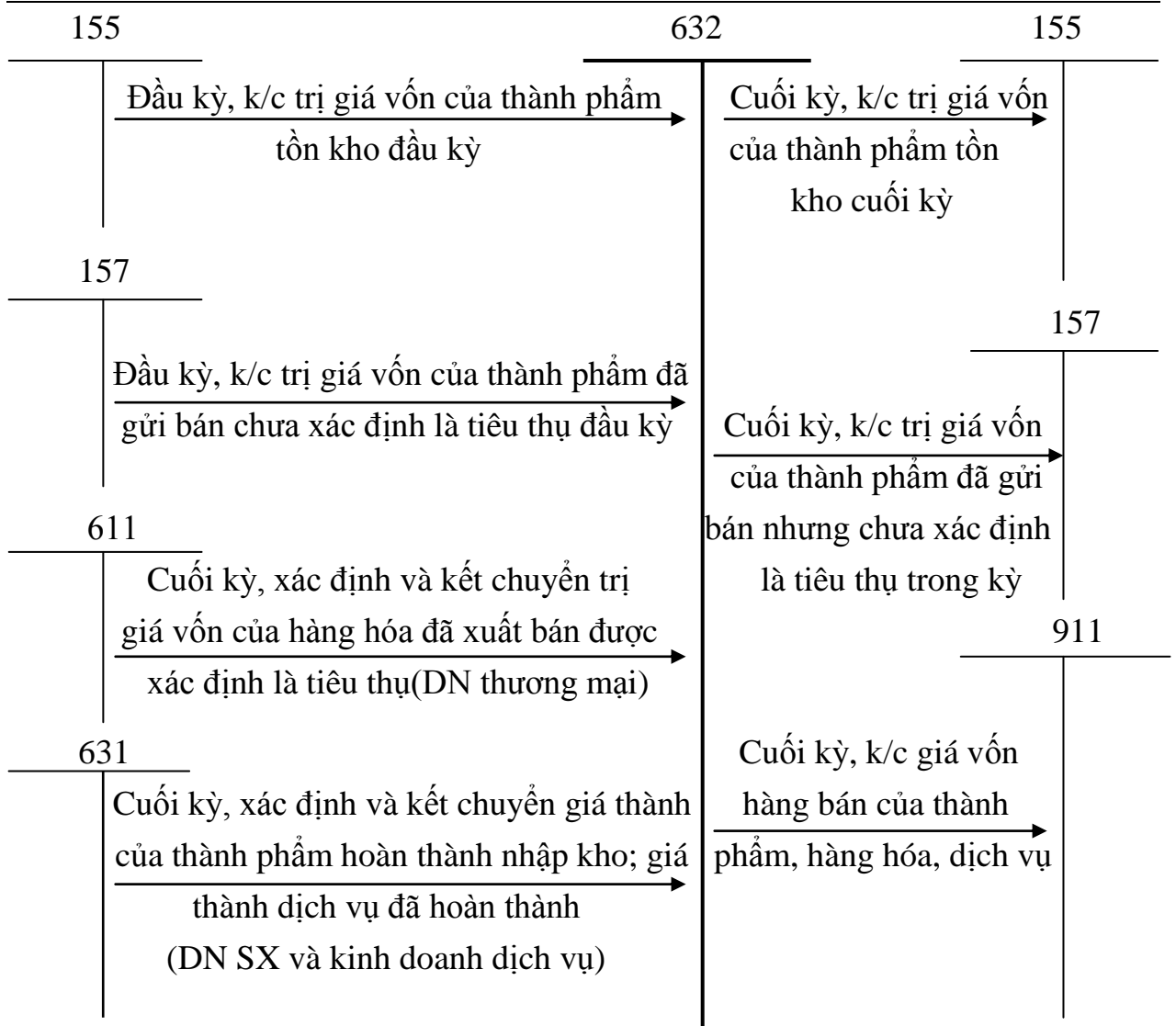
❖ Nội dung hạch toán giá vốn hàng bán:

**Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:*



Sơ đồ 16: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:*



Sơ đồ 17: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng:

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Bảng trích và phân bổ cung cụ, dụng cụ.

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký chứng từ, hoặc Nhật ký-sổ cái.
- Sổ cái TK 641
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 641 – Chi phí bán hàng: được sử dụng để phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, lao vụ (chi phí bao gói, phân loại, chọn lọc, vận chuyển, bốc dỡ, giới thiệu, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, hoa hồng trả cho đại lý bán hàng...).

Bên Nợ: Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

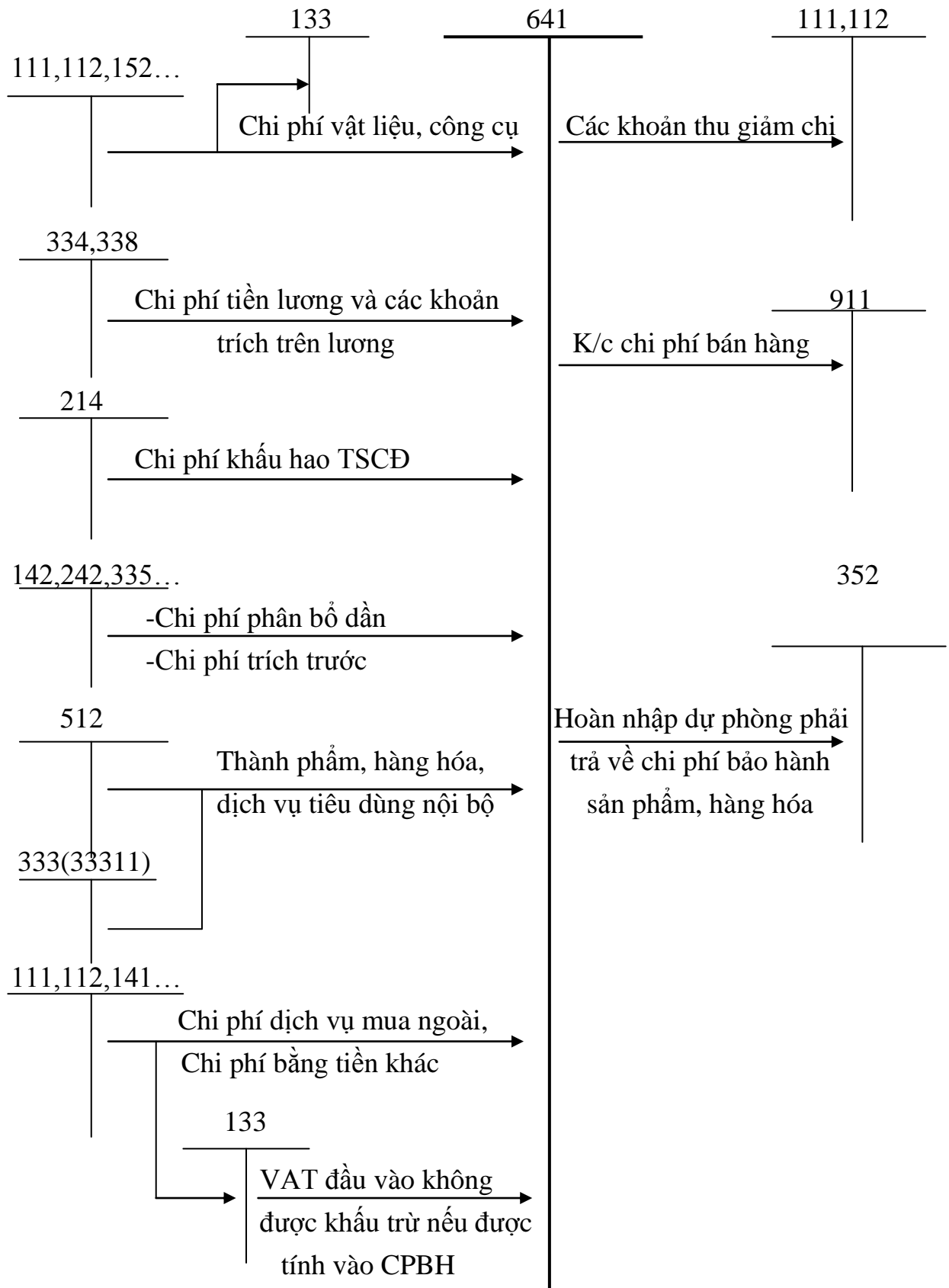
Bên Có: + Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng.

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào kết quả trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo các yếu tố chi phí sau:

- + TK 6411 – Chi phí nhân viên bán hàng
- + TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415 – Chi phí bảo hành
- + TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 18: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng.

1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Bảng trích và phân bổ cung cụ, dụng cụ.

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký chứng từ, hoặc Nhật ký-sổ cái.
- Sổ cái TK 642
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: dùng để tổng hợp các khoản chi phí liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Bên Nợ: Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

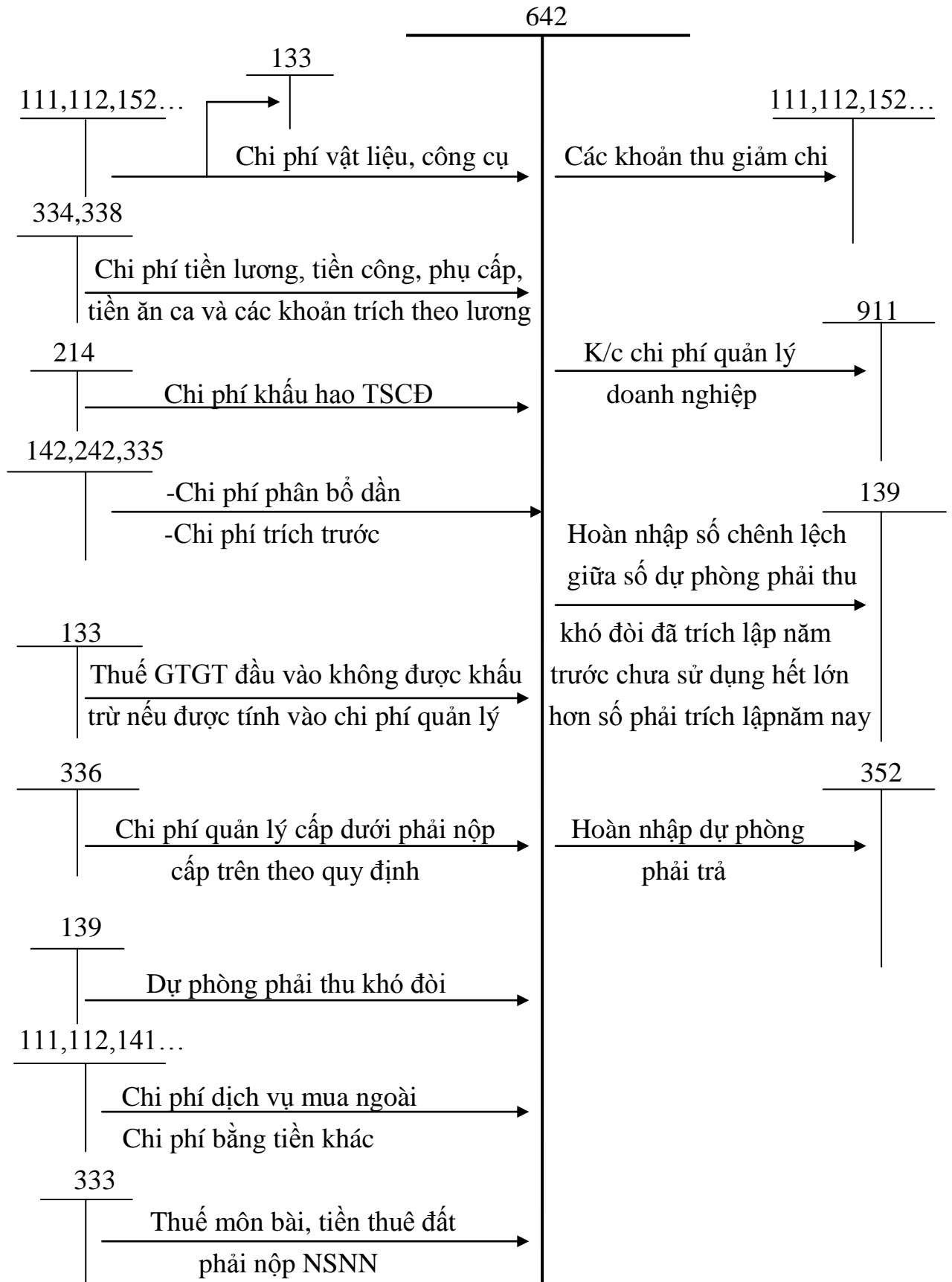
Bên Có: + Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào kết quả kinh doanh.

TK 642 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau đây:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426 – Chi phí dự phòng
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 19: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính:

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký chứng từ, hoặc Nhật ký-sổ cái.
- Sổ cái TK 635
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. . .; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. . .

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

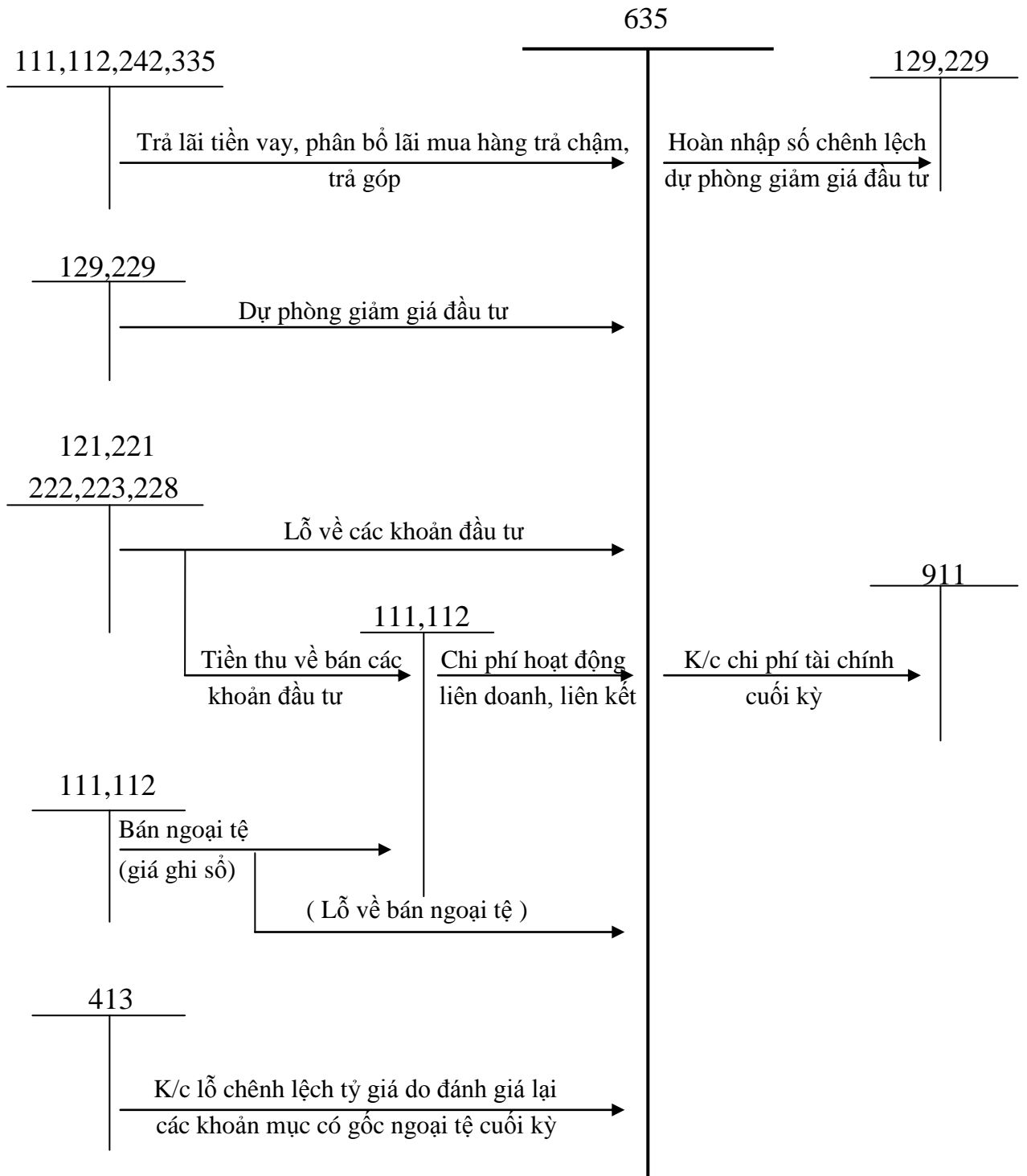
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 20: Quy trình hạch toán chi phí tài chính.

1.2.2.5. Kế toán chi phí khác:

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Nhật ký chung, hoặc Chứng từ ghi sổ, hoặc Nhật ký chứng từ, hoặc Nhật ký-sổ cái.
- Sổ cái TK 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

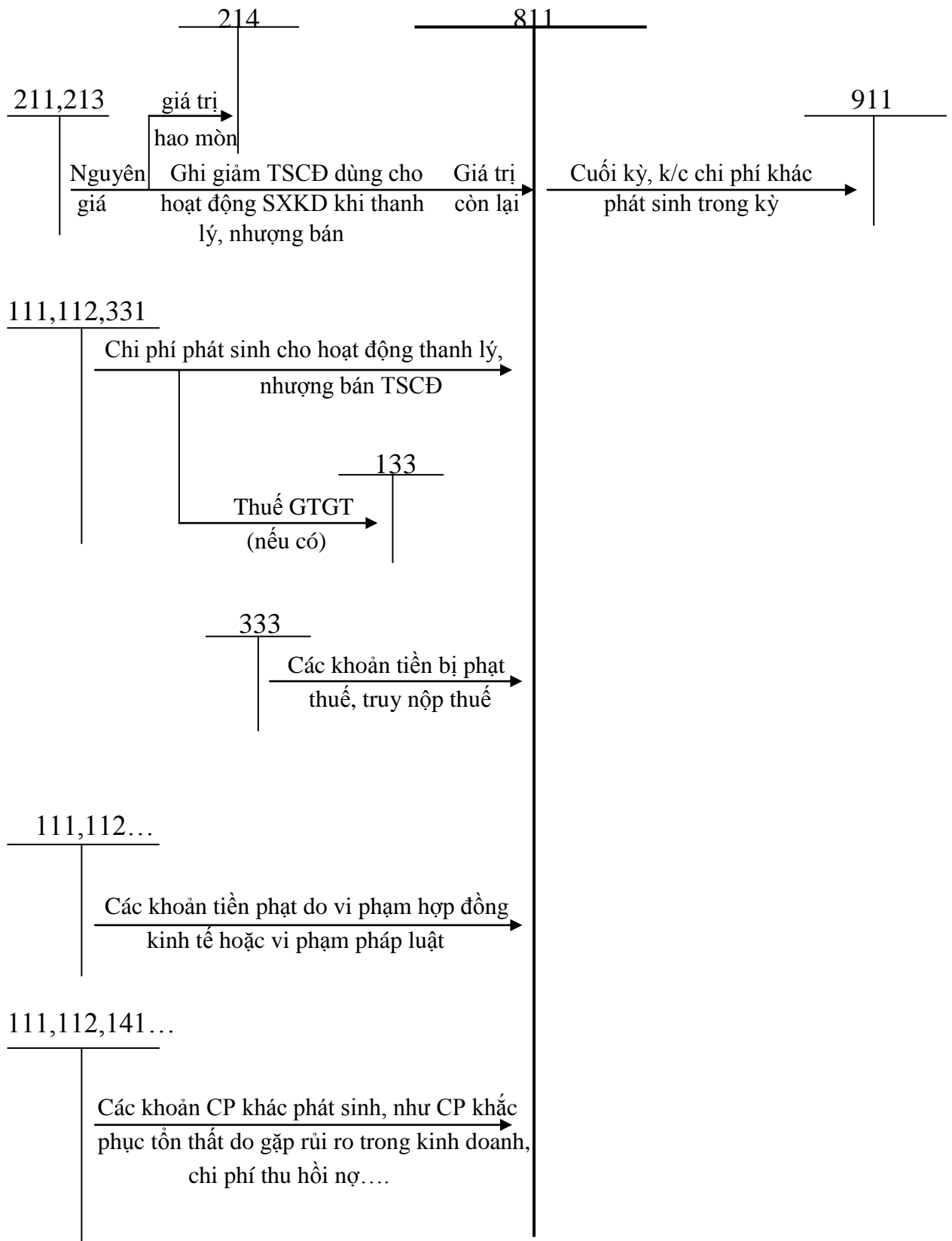
Tài khoản 811 – Chi phí khác: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 21: Quy trình hạch toán chi phí khác.

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

❖ **Sổ sách liên quan:**

- Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

- Bảng cân đối số phát sinh.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh:

Sau một kỳ hạch toán, kế toán tiến hành xác định kết quả của hoạt động kinh doanh. Kế toán sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để xác định toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

TK 911 được mở chi tiết theo từng hoạt động (hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác) và từng loại hàng hóa, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ....

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ tiêu thụ.
- + Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lãi.

Bên Có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

+ Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối: dùng để phản ánh kết quả (lãi, lỗ) từ các hoạt động và tình hình phân phối kết quả các hoạt động của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- + Số lỗ về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Trích lập các quỹ
- + Chia lợi nhuận cho các bên tham gia góp vốn, các cổ đông.
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- + Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- + Số lãi về các hoạt động của doanh nghiệp.
- + Số tiền lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- + Xử lý các khoản lỗ về kinh doanh.

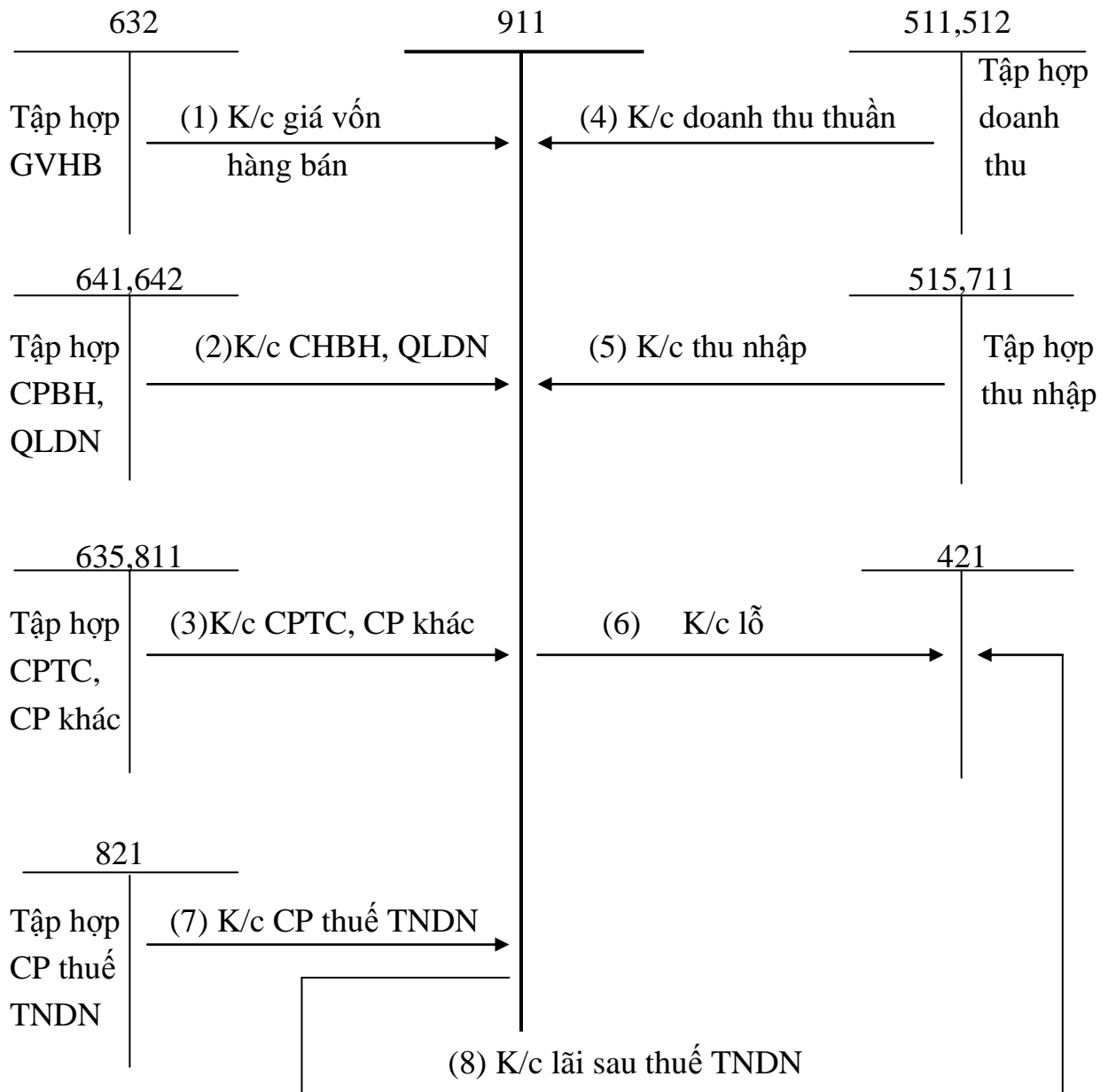
TK 421 cuối kỳ có thể có số dư Nợ hoặc dư Có:

- + Số dư Nợ: số lỗ chưa xử lý.
- + Số dư Có: số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- + TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước: phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân phối thuộc năm trước.
- + TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân phối thuộc năm nay.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 22: Sơ đồ kết chuyển chi phí, doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

*Nếu trong kỳ doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ thì chỉ có các bút toán từ (1) đến (6)
 Nếu lãi mới có thêm bút toán (7), (8) và không có bút toán (6).

CHƯƠNG 2:

TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY.

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

2.1.1. Quá trình thành lập:

Công ty TNHH Thương mại – dịch vụ Dầu khí Anh Thúy thuộc loại hình Công ty TNHH có hai thành viên trở lên, được thành lập ngày 12/10/2006, do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0202004031.

Tên giao dịch quốc tế : ANH THUY OIL AND GAS SERVICE
TRADING COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt : ANH THUY CO.,LTD

Địa chỉ trụ sở chính : Số 12/58 đường vòng Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ,
quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

MST : 02 00 692 848

Tài khoản NH : +) 0031000311587 tại Ngân hàng Ngoại thương
VN, chi nhánh HP.

+) 1020010000618595 tại Ngân hàng Công
thương Ngô Quyền, HP.

+) 32110000452497 tại Ngân hàng Đầu tư &
phát triển VN, chi nhánh HP.

+) 2101201002273 tại NH Nông nghiệp & phát
triển nông thôn Hải Phòng.

Điện thoại : 031.3753241

Fax : 031.3751606

Email : anhthuy1006@gmail.com

Vốn điều lệ khi thành lập Công ty là: 4.500.000.000 đồng.

Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (đồng)	Phần vốn góp (%)
1	Nguyễn Diệu Thuý	Số 12/58 đường vòng Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	3.000.000.000	66,67
2	Lê Minh Tuấn	Số 12/58 đường vòng Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	1.500.000.000	33,33

2.1.2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xăng dầu, sắt thép, gas, khí đốt, vật liệu xây dựng, nhựa đường, vật liệu điện, thiết bị điện, điện tử, viễn thông.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá thuỷ – bộ.
- Đại lý hàng hải.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ giám định hàng hoá xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh du lịch lữ hành, dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ nhà đất. Dịch vụ bưu chính viễn thông.
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, công nghiệp và san lấp mặt bằng.

(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của nhà nước).

2.1.3. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong vài năm gần đây:

*Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của Công ty trong 2 năm gần đây:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu bán hàng	67.390.427.759	63.398.185.864	-3.992.241.890	-5,92
2	Giá vốn hàng bán	65.579.553.322	61.667.439.700	-3.912.113.620	-5,96
3	Lợi nhuận trước thuế	100.437.946	128.809.866	28.371.920	28,25
4	Tổng tài sản	4.676.993.876	6.075.508.125	1.398.514.249	29,9

(Nguồn: Phòng Tài chính - kế toán)

Nhìn vào bảng phân tích trên ta thấy tình hình tài chính của Công ty trong năm 2009 có sự thay đổi đáng kể so với năm 2008, cụ thể: năm 2009, nền kinh tế thế giới vẫn trong tình trạng khủng hoảng, giá cả xăng dầu tăng giảm liên tục làm cho doanh thu bán hàng của Công ty năm 2009 giảm 3.992.241.890 đồng so với năm 2008 tương ứng tỷ lệ giảm 5,92 %. Giá vốn hàng bán cũng giảm 3.912.113.620 đồng so với năm 2008 tương ứng tỷ lệ giảm 5,96 %. Mặc dù doanh thu bán hàng của Công ty bị sụt giảm nhưng không làm ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận trước thuế của Công ty. Lợi nhuận trước thuế năm 2009 đã tăng 28.371.920 đồng so với năm 2008 tương ứng tỷ lệ tăng 28,25 %. Cũng chính vì vậy mà Tổng tài sản của Công ty đã tăng 1.398.514.249 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 29,9 %. Điều này chứng tỏ Công ty đã biết khắc phục những khó khăn chung để tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh và có lãi, nâng cao lợi nhuận.

***Những thuận lợi và khó khăn của Công ty:**

Thuận lợi: Ngày nay, xăng dầu đã dần trở thành một sản phẩm vô cùng thiết yếu trong sản xuất và đời sống hàng ngày của con người.

Khoa học và công nghệ ngày càng phát triển, những chiếc xe gắn động cơ phân khối lớn ra đời ngày càng nhiều giúp cho việc đi lại của mọi người trở nên thuận tiện hơn, và xăng chính là điều kiện đủ cho sự hoạt động của những chiếc xe ấy.

Thêm vào đó, công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, nền kinh tế nước ta ngày càng tăng trưởng dẫn tới hàng loạt các công ty, nhà máy, xí nghiệp sản xuất ra đời làm cho nhu cầu sử dụng dầu máy cũng tăng theo....

Đó chính là những điều kiện khách quan giúp Công ty có thể duy trì hoạt động kinh doanh của mình, cùng với sự năng động, sáng tạo của đội ngũ công nhân viên đã giúp công ty khắc phục khó khăn để hoàn thành những mục tiêu đề ra, nâng cao lợi nhuận cho công ty và thu nhập cho người lao động.

Khó khăn: Bước vào năm 2009, tình hình kinh tế thế giới không ổn định, luôn có những biến động bất thường đã tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức mới. Suy thoái kinh tế kéo theo mất việc làm, thị trường và thu nhập bị thu hẹp,

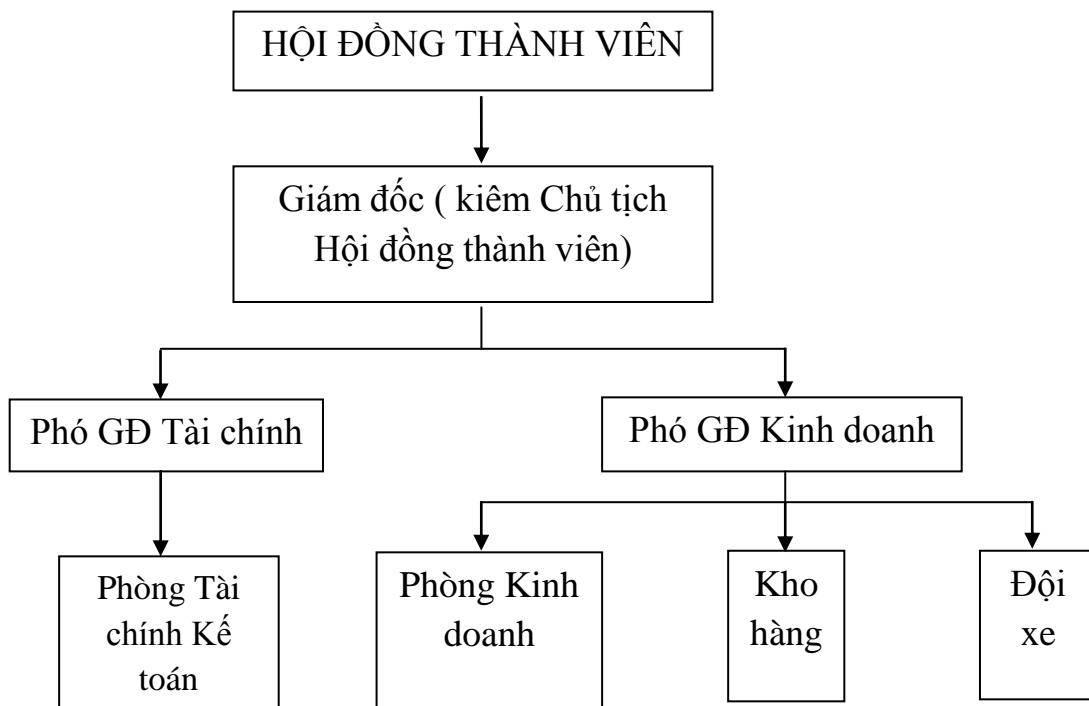
người tiêu dùng đã nghĩ đến việc tiết kiệm chi tiêu. Trong khi đó, giá cả xăng dầu lại tăng mạnh và liên tục thay đổi, lãi suất ngân hàng biến động không ngừng dẫn tới chi phí của Công ty tăng cao, làm cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm vừa qua bị giảm sút. Tuy nhiên, Công ty đã biết phát huy những thuận lợi để duy trì được hoạt động và tiếp tục nâng cao hơn nữa lợi nhuận trong năm 2010.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thuý:

** Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty: 42 người.*

Các bộ phận	Số người
Ban lãnh đạo	3
Phòng kinh doanh	5
Phòng kế toán	7
Kho	12
Đội xe	15
Tổng	42

** Sơ đồ cơ cấu tổ chức:*



Sơ đồ 23: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thuý.

Hội đồng thành viên: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng thành viên là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, cơ cấu tổ chức quản lý Công ty và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên, giám sát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về mọi hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

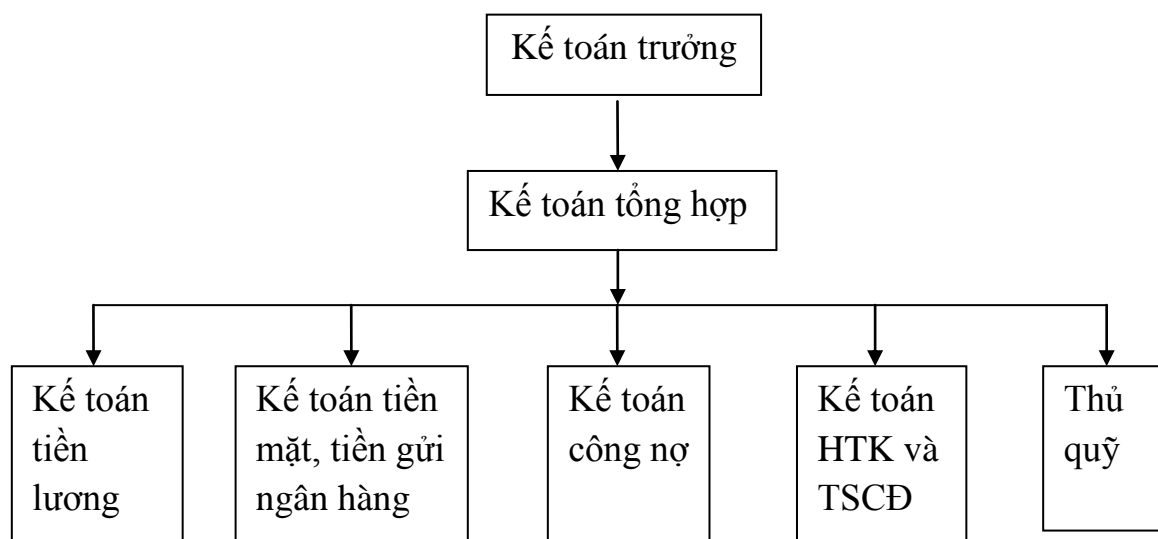
Các Phó giám đốc: Là những người giúp việc cho Giám đốc trong quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các hoạt động đối với các lĩnh vực được phân công, phân nhiệm.

Các phòng ban có trách nhiệm giúp Ban lãnh đạo Công ty điều hành quản lý các chức năng khác ngoài chức năng quản lý doanh nghiệp.

2.1.5. Tổ chức kế toán ở Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy:

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán tập trung, toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tại phòng Tài chính kế toán. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm kiểm tra chứng từ, phân loại, ghi sổ, tổng hợp và lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế, tham mưu và đề xuất các giải pháp quản trị.

2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 24: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy.

***Kế toán trưởng:** Thực hiện việc tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán thống kê của Công ty, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của Công ty. Thông tin kịp thời cho Giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty.

***Kế toán tổng hợp:** Phụ trách công tác lập báo cáo tài chính theo chế độ quy định, công tác thống kê giúp kế toán trưởng hoàn thành nhiệm vụ và có trách nhiệm thay thế kế toán trưởng điều hành công việc khi kế toán trưởng vắng mặt.

***Kế toán tiền lương:** Hàng tháng nhận bảng chấm công từ các trưởng bộ phận để làm căn cứ tính lương và trích các khoản theo quy định.

***Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng:** Theo dõi các hoạt động thu, chi, vay vốn ngân hàng, cập nhật hàng ngày tiền gửi ở các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

***Kế toán công nợ:** Theo dõi công việc mua bán hàng hoá, các khoản nợ còn phải thu, phải trả của Công ty.

***Kế toán HTK và TSCĐ:** Theo dõi tình hình biến động của hàng hoá, công cụ dụng cụ, tài sản cố định. Tiến hành lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ. Theo dõi việc trích lập và phân bổ khấu hao của TSCĐ.

***Thu quỹ:** Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ. Hàng ngày phải lập báo cáo tồn quỹ theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thuý:

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ của đội ngũ kế toán và yêu cầu quản lý, Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thuý áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

***Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

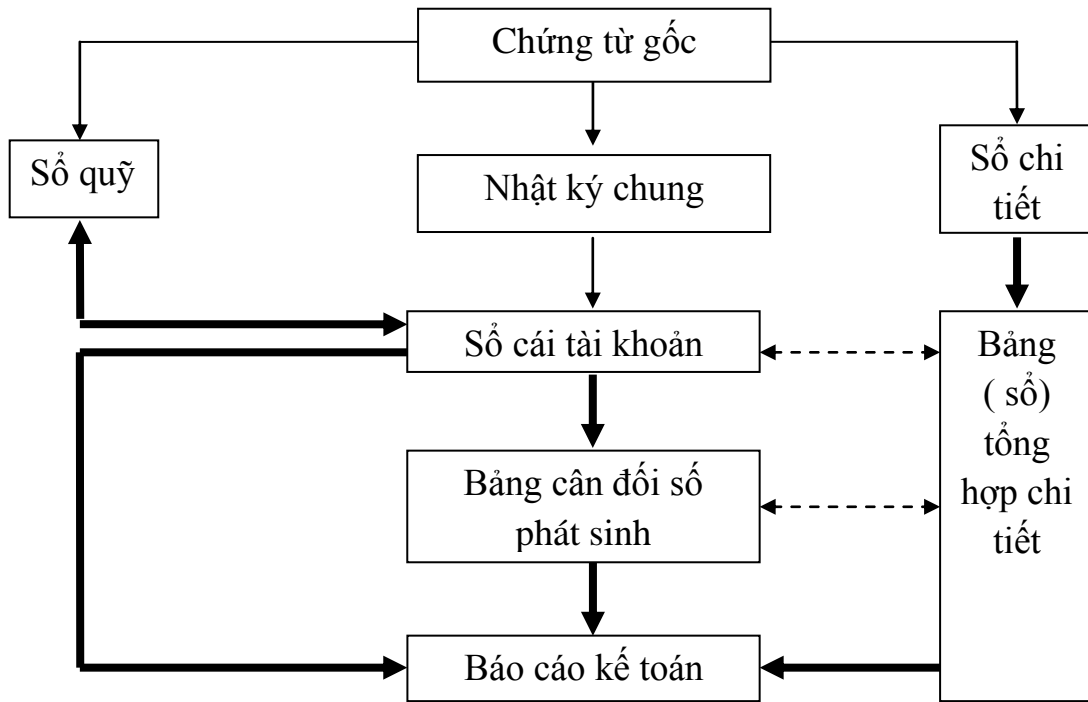
****Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:***

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3,5,10,... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Sơ đồ 25 : Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 → Ghi định kỳ;
 ←---> Quan hệ đối chiếu.

*Hệ thống Báo cáo kế toán:

Báo cáo kế toán của Công ty theo niên độ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến 31 tháng 12 năm báo cáo.

Báo cáo gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (B02 –DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 –DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 –DN)
- + Tờ khai quyết toán thuế GTGT
- + Tờ khai tự quyết toán thuế TNDN.

2.2. Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy

2.2.1.1. Đặc điểm công tác kế toán bán hàng của Công ty:

**Phương thức bán hàng của Công ty:*

Bán hàng là hoạt động chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, chuyển giao phần lớn lợi ích kinh tế cũng như rủi ro gắn liền với sản phẩm hàng hoá, dịch vụ cho bên mua và được bên mua trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty chủ yếu là từ việc cung cấp, bán buôn xăng dầu cho các công ty khách hàng.

**Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Công ty:*

Tại công ty, các phương thức thanh toán được áp dụng là thu ngay bằng tiền mặt; thu bằng chuyển khoản qua ngân hàng hoặc cho khách hàng trả chậm không tính lãi.

- Thanh toán qua ngân hàng (thanh toán bằng chuyển khoản):

Thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản mang tên bên bán mở tại ngân hàng theo các hình thức thanh toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của ngân hàng. Chứng từ thanh toán tiền là giấy báo Có của ngân hàng bên bán về số tiền đã nhận được từ tài khoản của ngân hàng bên mua. Trường hợp thanh toán chậm trả, phải có thỏa thuận ghi trong hợp đồng mua bán hàng hóa, đến thời hạn thanh toán cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Thanh toán bằng tiền mặt: là việc bên mua xuất quỹ thanh toán tiền hàng cho bên bán bằng tiền mặt, phương thức thanh toán này thường áp dụng trong trường hợp số tiền phải thanh toán ít, không thường xuyên, hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán bằng phương thức này.

- Thanh toán chậm (mua, bán hàng nhưng chưa thanh toán ngay tiền hàng): là việc bên bán cho bên mua nợ tiền hàng trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận của hai bên và không tính lãi. Phương thức này thường được áp dụng với những khách hàng quen thuộc và có uy tín.

***Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng:**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, hoặc yêu cầu của khách hàng về việc mua hàng hóa của Công ty, Công ty sẽ xuất kho hàng hóa và chuyển giao cho khách hàng, khi đó số hàng này được xác định là đã tiêu thụ và được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Hàng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng, kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ liên quan (phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có...) để tiến hành vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời, vào sổ chi tiết các TK 511, 131 để cuối tháng, cuối kỳ tổng hợp vào sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, sổ tổng hợp doanh thu bán hàng.

Số liệu trong sổ Nhật ký chung được đưa vào sổ cái các tài khoản tương ứng.

Cuối kỳ, đối chiếu, kiểm tra giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua hoặc bảng tổng hợp doanh thu bán hàng để làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh và lập các Báo cáo tài chính cần thiết.

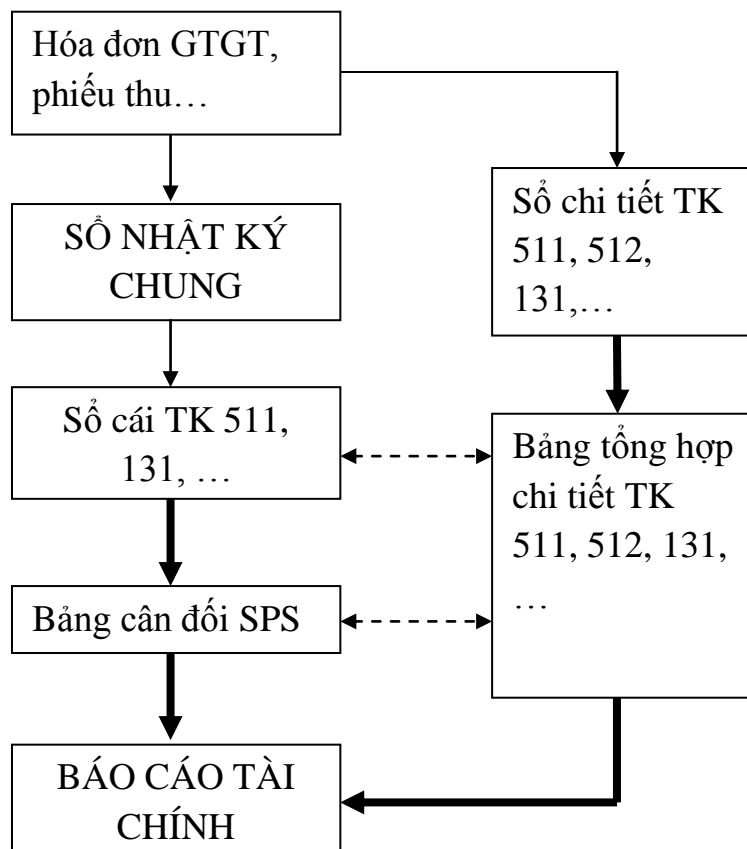
2.2.1.2. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng:*** Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Hợp đồng kinh tế.
- + Phiếu xuất kho
- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + Ủy nhiệm thu
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ liên quan khác.

*** Sổ sách liên quan:**

- Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra.
- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511,512
- Sổ chi tiết TK 511,512
- Các sổ sách liên quan khác: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ cái TK 131, Sổ chi tiết TK 131, Sổ cái TK 3331....

* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 26: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu.

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Ví dụ minh họa:

Ngày 26/12/2009, doanh nghiệp xuất bán cho công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải 22.000 lít dầu Diesel với giá 8.818,18 đồng / lít (chưa bao gồm VAT 10%); phí xăng dầu đầu ra 6.600.000; khách hàng chưa thanh toán.

⇒ Có hóa đơn GTGT số 0034867 (Biểu số 01)

Kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 02).

Từ sổ Nhật ký chung, kế toán lập:

+ Sổ cái các tài khoản: TK 131(Biểu số 03), TK 511(Biểu số 04), TK3331(Biểu số 05).

+ Sổ chi tiết TK 131(Biểu số 06).

+ Bảng tổng hợp TK 131(Biểu số 07).

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
NV/2009B
0034867

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM - DV Dầu khí Anh Thủy
Địa chỉ: 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền – Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MST: 0200692848

Họ tên người mua hàng: Lê Văn Kinh
Tên đơn vị: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải.
Địa chỉ: Km 104 + 200 Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán MST: 0200644957

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu Diezel Phí XD	lít	22.000	8.818,18 300	193.999.960 6.600.000
Cộng tiền hàng:					193.999.960
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		19.400.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					220.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 01: Hoá đơn GTGT

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Tháng 12/ 2009				
0044606	01/12/2009	Nhập hàng của Công ty KK Gia Sàng		156	70.834.481	
0044606	01/12/2009	Thuế GTGT đầu vào		133	7.083.448	
0044606	01/12/2009	Phí xăng dầu đầu vào		138	2.199.000	
0044606	01/12/2009	Thanh toán bằng tiền mặt		111		80.116.929
....
0034867	26/12/2009	Xuất dầu DO bán cho Cty Duyên Hải		131	219.999.960	
0034867	26/12/2009	Doanh thu bán hàng		511		193.999.960
0034867	26/12/2009	Thuế GTGT đầu ra		3331		19.400.000
0034867	26/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra		138		6.600.000
....
		Tổng cộng			49.146.842.271	49.146.842.271

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 02: Trích Nhật ký chung tháng 12/ 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

SHTK: 131

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>838.814.664</u>	
04/12/2009	0095433	04/12/2009	Bán dầu DO cho Cty SAMIL HN Vina			511	119.809.070		
04/12/2009	0095433	04/12/2009	Thuế GTGT đầu ra			3331	11.980.907		
04/12/2009	0095433	04/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra			138	3.450.000		
05/12/2009	SNH133	05/12/2009	Cty Duyên Hải trả nợ tiền hàng			112		133.979.968	
.....	
26/12/2009	0034867	26/12/2009	Bán dầu DO cho Cty Duyên Hải			511	193.999.960		
26/12/2009	0034867	26/12/2009	Thuế GTGT đầu ra			3331	19.400.000		
26/12/2009	0034867	26/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra			138	6.600.000		
.....	
Cộng phát sinh								4.753.916.800	3.741.714.620
<u>Dư cuối kỳ</u>								<u>174.387.516</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 03: Trích sổ cái TK 131 tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 SHTK: 511

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
04/12/2009	0095433	04/12/2009	Bán dầu DO cho Cty SAMIL HN Vina			131		119.809.070
.....
26/12/2009	0034867	26/12/2009	Bán dầu DO cho Cty Duyên Hải			131		193.999.960
.....
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng tháng 12/2009 để xác định KQKD			911	7.278.446.748	
Cộng phát sinh							7.278.446.748	7.278.446.748
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 04: Trích sổ cái TK 511 tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế GTGT phải nộp
 SHTK: 3331

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					-
04/12/2009	0095433	04/12/2009	Bán dầu DO cho Cty SAMIL HN Vina			131		11.980.907
.....
26/12/2009	0034867	26/12/2009	Bán dầu DO cho Cty Duyên Hải			131		19.400.000
.....
31/12/2009	133-3331	31/12/2009	Khấu trừ VAT tháng 12			133	727.455.716	
			Cộng phát sinh				727.455.716	727.455.716
			<u>Dư cuối kỳ</u>					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 05: Trích sổ cái TK 3331 tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131

Đối tượng: Công ty TNHH TM & SX Duyên Hải

Tháng 12 năm 2009

Loại tiền: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				297.497.978	
01/12/2009	SNH 129	01/12/2009	Cty Duyên Hải trả tiền hàng	112		146.739.965		
13/12/2009	0095449	13/12/2009	Duyên Hải mua chịu dầu DO	511	65.947.079			
13/12/2009	0095449	13/12/2009	Thuế GTGT đầu ra	3331	6.594.708			
13/12/2009	0095449	13/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra	138	1.899.000			
17/12/2009	0034856	17/12/2009	Duyên Hải mua chịu dầu FO	511	307.268.325			
17/12/2009	0034856	17/12/2009	Thuế GTGT đầu ra	3331	30.726.832			
17/12/2009	0034856	17/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra	138	9.450.000			
.....
Cộng phát sinh					1.892.076.879	2.041.734.881		
Dư cuối kỳ							147.839.976	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 06: Sổ chi tiết TK 131.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY

12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản: 131

MÃ KH	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ ĐẦU KỶ		PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỶ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
LICOGI	Công ty LICOGI số 1	0	40.956.037	-	-	-	40.956.037
Canhp	Công ty CP cân Hải Phòng	0	4.050.020	-	-	-	4.050.020
Sontung	Công ty TNHH Sơn Tùng	0	0	-	-	-	-
vietthang	Công ty CPTM Việt Thắng	0	0	-	-	-	-
muaxuan	HTX vận tải CP Mùa Xuân	0	0	-	-	-	-
Q.Tien	Công ty ĐTXD Quyết Tiến	80.054.638	0	-	80.054.638	-	-
.....
Tổng cộng		1.894.029.176	3.234.041.846	4.921.616.800	4.759.643.862	2.421.522.415	3.599.562.147

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

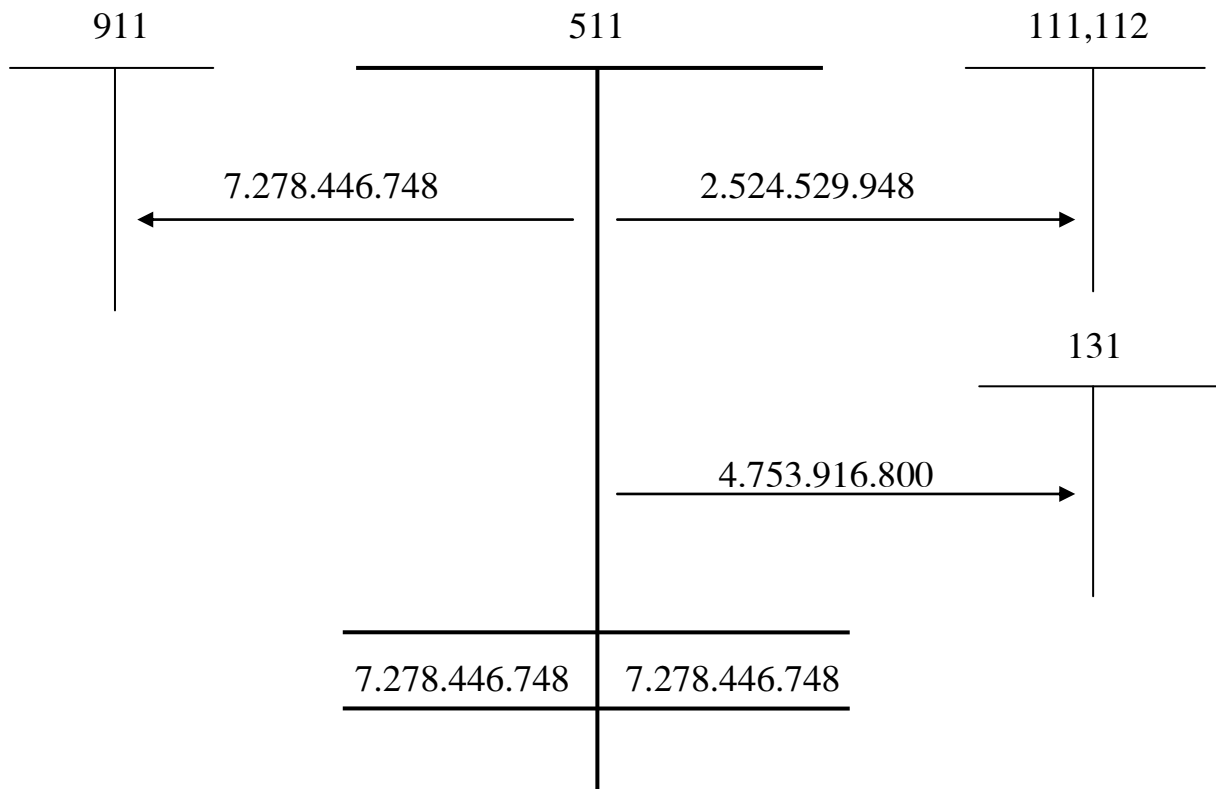
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 07: Bảng tổng hợp công nợ với người mua tháng 12/2009.

2.2.1.3. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng:

Từ Sổ Cái TK 511 tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy ta có thể hạch toán doanh thu bán hàng tháng 12 năm 2009 của Công ty như sau:



Sơ đồ 27: Sơ đồ tổng hợp doanh thu bán hàng tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy.

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

2.2.2.1.1. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán:

**Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Phiếu xuất kho
- Thẻ kho
- Biên bản kiểm kê hàng hóa
- Các chứng từ liên quan khác.

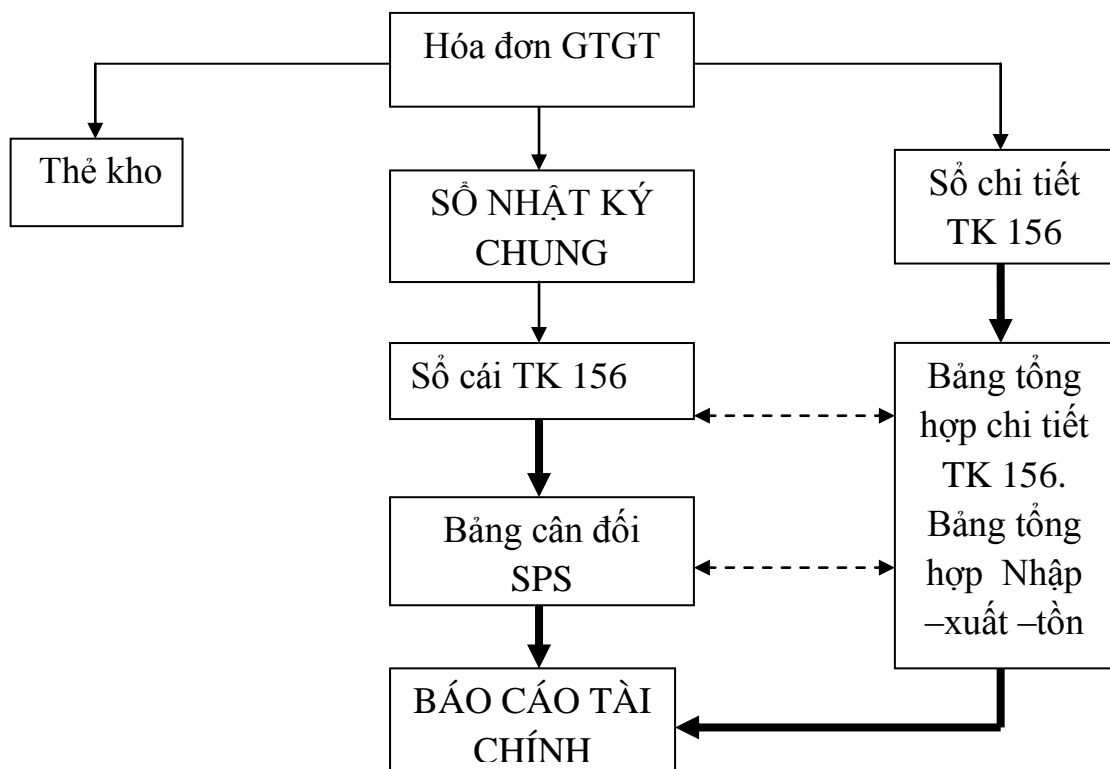
**Sổ sách liên quan:*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 156, TK 632
- Sổ chi tiết TK 156
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Các sổ sách liên quan khác.

**Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán:*

Khi xuất kho hàng hóa bán cho khách hàng, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho, đồng thời ghi nhận số lượng hàng xuất bán vào thẻ kho. Trong quá trình bán hàng, ngoài việc lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu; kế toán còn phải ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối kỳ, kế toán sẽ tổng hợp giá vốn của toàn bộ hàng xuất bán làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.



Sơ đồ 28: Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho.

- Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi định kỳ
 <-----> Quan hệ đối chiếu.

Hàng ngày, từ hoá đơn GTGT, ... kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết TK 156

Số liệu trên sổ Nhật ký chung được làm căn cứ để ghi Sổ cái tài khoản 156, 632 và các tài khoản liên quan khác.

Từ Sổ chi tiết các tài khoản, cuối tháng, cuối kỳ, kế toán sẽ lập sổ tổng hợp chi tiết các tài khoản tương ứng để theo dõi, đối chiếu, kiểm tra với sổ cái các tài khoản tương ứng đảm bảo độ chính xác cao, giảm thiểu nhầm lẫn, sai sót.

Từ Sổ cái các tài khoản, cuối kỳ sẽ có Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính cần thiết.

- Thẻ kho được mở để theo dõi số lượng nhập, xuất, tồn từng thứ hàng hoá ở từng kho, làm căn cứ để xác định số lượng tồn kho dự trữ hàng hoá và xác định trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Thẻ kho được phòng kế toán lập và ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên thẻ sau đó giao cho thủ kho để ghi chép hàng ngày.

Theo định kỳ, kế toán nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho, sau đó ký xác nhận vào thẻ kho.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 16/12/2009, doanh nghiệp xuất bán cho công ty TNHH TM Thịnh Thủy 7.530 lít dầu Diezel với giá 9.681,82 đ/lít (chưa bao gồm VAT 10%), khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.

=> Có Hóa đơn GTGT số 0034853 (*Biểu số 08*)

- Từ hóa đơn, kế toán mở thẻ kho hàng hóa - dầu Diezel (*Biểu số 09*), và Sổ chi tiết TK1561(*Biểu số 10*).

- Đồng thời, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (*Biểu số 11*)

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán lập sổ cái tài khoản 156 (*Biểu số 12*), Sổ cái TK 632 (*Biểu số 13*).

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01 GTKT -3LL

NV/2009B

Liên 1: Lưu

0034853

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH TMDV DẦU KHÍ ANH THUY

Địa chỉ: 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ – Ngô quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200692848

Họ tên người mua hàng: Ông Thịnh

Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Thịnh Thủy

Địa chỉ: Khu Yên Hợp – Yên Thọ - Đông Triều – Quảng Ninh

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 5700593788

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu Diezel Phí	lít	7.530	9.681,82 300	72.904.105 2.259.000
Cộng tiền hàng:					72.904.105
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		7.290.410	
Tổng cộng tiền thanh toán:					82.453.950
Số tiền viết bằng chữ: Tám hai triệu bốn trăm năm ba nghìn năm trăm mười lăm đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàng Văn Thịnh

Phan Thị Anh

Nguyễn Diệu Thủy

Biểu số 08: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy
Số 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ -Ngô Quyền –HP

THẺ KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Tên hàng hóa: Dầu Diezel

Đơn vị tính: lít

Mã số: 1561

Ngày, tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
01/12			<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>57.765</u>	
01/12	0044606		Nhập kho dầu diezel	01/12	7.330			
...
16/12		0034853	Xuất dầu Diezel bán cho cty ThịnhThủy	16/12		7.530		
...
			Tổng cộng		511.179	532.257		
			<u>Tồn cuối kỳ</u>				<u>36.687</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 09: Thẻ kho

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 1561

Tháng 12 năm 2009

Tên hàng hóa: Dầu Diezel (Dầu DO)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		Tồn đầu kỳ		10.886,54					57.765	628.860.710	
0044606	01/12/2009	Nhập dầu DO của Cty KK Gia Sàng	111	9.663,64	7.330	70.834,48					
.....
KQKD	31/12/2009	Tập hợp giá vốn Dầu DO bán trong T12/2009	632	9.638			532.257	5.024.686.218			
.....
		Cộng tháng			51.179	4.742.163.204	532.257	5.024.686.218	36.687	364.337.696	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10: Sổ chi tiết tài khoản 1561 (Dầu Diezel).

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Tháng 12/ 2009				
0044606	01/12/2009	Nhập hàng của Cty KK Gia Sàng		156	70.834.481	
0044606	01/12/2009	Thuế GTGT đầu vào		133	7.083.448	
0044606	01/12/2009	Phí xăng dầu đầu vào		138	2.199.000	
0044606	01/12/2009	Thanh toán bằng tiền mặt		111		80.116.929
....
0034853	16/12/2009	Xuất dầu DO bán cho Cty Thịnh Thủy		111	82.453.515	
0034853	16/12/2009	Doanh thu bán hàng		511		72.904.105
0034853	16/12/2009	Thuế GTGT đầu ra		3331		7.290.410
0034853	16/12/2009	Phí xăng dầu đầu ra		138		2.259.000
KQKD	31/12/2009	Tập hợp GVHB tháng 12/2009		632	7.432.581.850	
KQKD	31/12/2009	Tập hợp GVHB tháng 12/2009		156		7.432.581.850
....
		Tổng cộng			49.146.842.271	49.146.842.271

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 11: Trích Nhật ký chung tháng 12/ 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hàng hóa

SHTK: 156

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>				<u>2.694.252.655</u>	
01/12/2009	0044606	01/12/2009	Nhập dầu DO của Cty KK Gia Sàng			111	102.986.500	
.....
31/12/2009	GVHB	31/12/2009	Tập hợp GVHB trong năm 2009			632		7.432.581.850
.....
			Cộng phát sinh				7.863.501.618	7.432.581.850
			<u>Dư cuối kỳ</u>				<u>3.125.172.422</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 12: Trích sổ cái TK 156 tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

SHTK: 632

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Tập hợp GVHB tháng 12/2009			156	7.432.581.850	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển GVHB T12/2009 để xác định KQKD			911		7.432.581.850
			
Cộng phát sinh							7.432.581.850	7.432.581.850
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

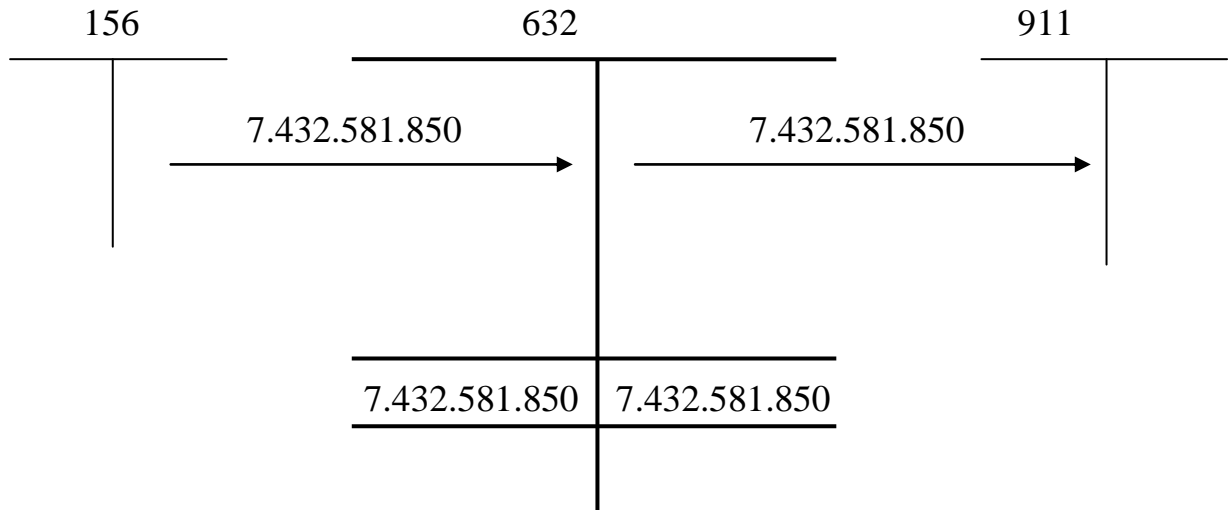
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13: Trích sổ cái TK 632 tháng 12/2009.

2.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán:



Sơ đồ 29: Sơ đồ tổng hợp giá vốn hàng bán tháng 12/ 2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy.

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng:

2.2.2.2.1. Kế toán chi tiết chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng chủ yếu của Công ty là chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng, chi phí nhân viên bán hàng.

**Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ liên quan khác.

**Sổ sách liên quan:*

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, TK 214, TK 334....
- Các sổ sách liên quan khác.

**Hạch toán chi phí bán hàng:*

Định kỳ, kế toán căn cứ vào những chứng từ, sổ sách liên quan để tập hợp chi phí phát sinh liên quan đến bộ phận bán hàng trong kỳ để vào Sổ cái TK 641 và làm căn cứ lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 31/12/2009: kế toán tiến hành tập hợp được chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng trong tháng 12/2009 là: 11.190.056 đồng.

- Ngày 31/12/2009, kế toán tính ra lương phải trả cho nhân viên bán hàng tháng 12/2009 là: 16.820.000 đồng.

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY

MST: 0200692848

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng.

STT	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI THÁNG TRƯỚC	TỶ LỆ TRÍCH KHẤU HAO	SỐ KHẤU HAO TRONG THÁNG	SỐ KH ĐÃ TRÍCH LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
01	Xe 16L – 3919		0	13,00%	0	0	0
02	Xe Xietec 16L – 6442	307.733.336	229.507.269	17,00%	4.359.556	82.585.623	225.147.713
....
06	Xe ô tô con Lasetti (xe cũ)	335.027.000	325.718.833	16,67%	4.654.083	13.962.250	321.064.750
07	Mua máy tính xách tay	22.747.619			0	0	22.747.619
08	Xe ô tô đã qua sử dụng	213.636.364	213.636.364	16,67%	2.967.765	2.967.765	210.668.599
CỘNG		1.547.470.228	1.378.710.508		20.483.720	189.243.441	1.358.226.787

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 14: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ.

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương và thu nhập được nhận							Các khoản phải nộp theo QĐ					Tiền lương và thu nhập thực lĩnh		
			Chia ra							Tổng cộng	Chia ra					Tiền	Ký nhận
			Lương CB	Đơn giá ngày công	Số cô ng	Số tiền lương được hưởng	Tiền ăn ca	Tiền trách nhiệm	Tiền điện thoại		B H X H	B H Y T	Bồi thường theo luật LĐ	Thuế TN CN	Tổng cộng		
1	Nguyễn Diệu Thúy	GĐ	4.200.000	161.538	26	4.200.000	260.000			4.460.000						4.460.000	
2	Hoàng Thị Hải Trà	Kế toán	2.800.000	107.692	26	2.800.000	260.000	200.000	100.000	3.360.000						3.360.000	
3	Hoàng Thị Tài	Thủ quỹ	2.500.000	96.154	26	2.500.000	260.000	300.000	100.000	3.160.000						3.160.000	
4	Trần Ngọc Hải	PT KD	3.600.000	138.462	26	3.600.000	260.000	300.000		4.160.000						4.160.000	
5	Đặng Văn Trường	NV KD	2.500.000	96.154	26	2.500.000	260.000		400.000	3.160.000						3.160.000	
...
	Tổng cộng		37.500.000	1.442.308		37.500.000	3.900.000	1.000.000	2.400.000	44.800.000						44.800.000	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 15: Trích bảng thanh toán lương tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM –DV DẦU KHÍ ANH THÚY*Số 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng.***NHẬT KÝ CHUNG***Năm 2009**Đơn vị tính: VNĐ*

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Tháng 12/ 2009				
....
KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12		641	11.190.056	
KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12		214		11.190.056
SL112	31/12/2009	Lương bộ phận bán hàng		641	13.600.000	
SL112	31/12/2009	Lương bộ phận bán hàng		334		13.600.000
SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận bán hàng		641	1.820.000	
SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận bán hàng		334		1.820.000
SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại		641	1.400.000	
SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại		334		1.400.000
....
		Tổng cộng			49.146.842.271	49.146.842.271

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 16: Trích Nhật ký chung tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hao mòn tài sản cố định

SHTK: 214

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>72.255.713</u>
31/01/2009	KHTS	31/01/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 1/2009			641		8.913.222
28/02/2009	KHTS	28/02/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 2/2009			641		11.190.056
31/03/2009	KHTS	31/03/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 3/2009			641		11.190.056
.....
31/12/2009	KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2009			641		11.190.056
.....
			Cộng phát sinh					116.987.728
			<u>Dư cuối kỳ</u>					<u>189.243.441</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Trích sổ cái TK 214 tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

SHTK: 334

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>45.480.000</u>
05/12/2009	PCL	05/12/2009	Trả lương công nhân viên T11/2009			111	45.480.000	
.....
31/12/2009	SL112	31/12/2009	Lương phải trả bộ phận bán hàng			641		13.600.000
31/12/2009	SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận bán hàng			641		1.820.000
31/12/2009	SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại			641		1.400.000
.....
			Cộng phát sinh				45.800.000	44.800.000
			<u>Dư cuối kỳ</u>					<u>44.800.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích sổ cái TK 334 tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

SHTK: 641

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
.....
31/12/2009	KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2009			214	11.190.056	
31/12/2009	SL112	31/12/2009	Lương phải trả bộ phận bán hàng			334	13.600.000	
31/12/2009	SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận bán hàng			334	1.820.000	
31/12/2009	SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại			334	1.000.000	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển chi phí bán hàng T12/2009 để xác định KQKD			911		122.813.428
.....
Cộng phát sinh							122.813.428	122.813.428
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

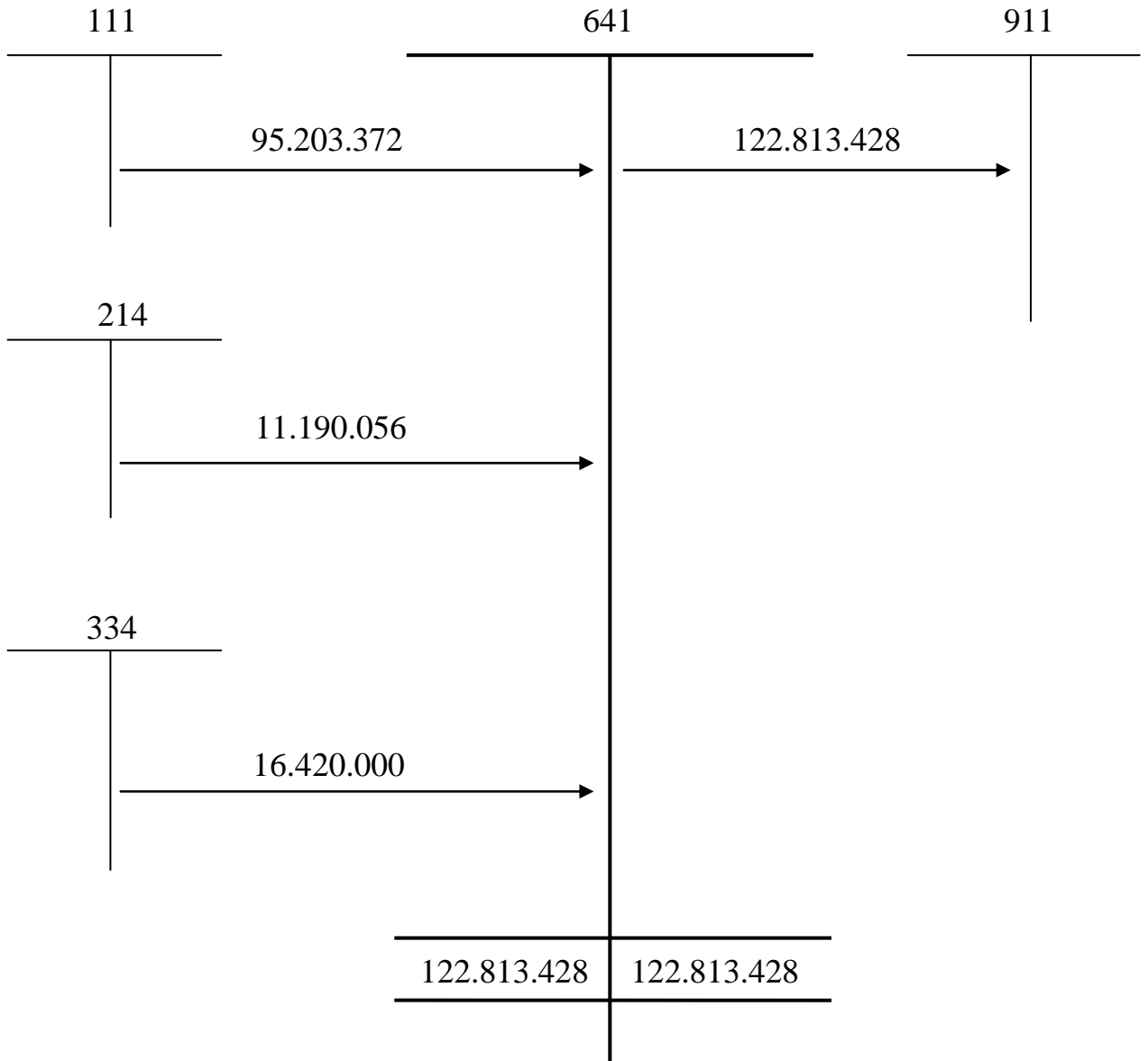
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích sổ cái TK 641 tháng 12/2009.

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng:

Căn cứ vào Sổ cái TK 641 tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy, ta có sơ đồ tổng hợp chi phí bán hàng tháng 12/2009 của Công ty như sau:



Sơ đồ 30: Sơ đồ tổng hợp chi phí bán hàng tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy.

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

2.2.2.3.1. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp: (tương tự kế toán chi phí bán hàng)

**Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ liên quan khác.

**Sổ sách liên quan:*

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642, TK 214, TK 334....
- Các sổ sách liên quan khác.

** Hạch toán chi phí bán hàng:*

Định kỳ, kế toán căn cứ vào những chứng từ, sổ sách liên quan để tập hợp chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp trong kỳ để vào Sổ cái TK 642 và làm căn cứ lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

-Ngày 13/12/2009, nộp tiền cước điện thoại bàn tháng 11/2009: 75.405 đồng.

-Ngày 31/12/2009: kế toán tiến hành tập hợp được chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận quản lý trong tháng 12/2009 là: 9.293.664 đồng.

- Ngày 31/12/2009, kế toán tính ra lương phải trả cho nhân viên quản lý tháng 12/2009 là: 27.980.000 đồng.

Đơn vị: Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thuý
Địa chỉ: 12/58/ Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – HP

Quyển số:..... **Mẫu số:** 01-TT
Số: 88 **QĐ số:** 15/2006/QĐ-BTC
Nợ: 642 ngày 20/3/2006 của Bộ
Có: 111 **trưởng Bộ Tài Chính**

PHIẾU CHI

Ngày 13 Tháng 12 Năm 2009

Người nộp tiền: Trần Ngọc Hải

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ DK Anh Thuý

Lý do nộp: Trả tiền điện thoại bàn tháng 11

Số tiền: 75.405 đồng

Bằng chữ: Bảy mươi năm nghìn bốn trăm linh năm đồng.

Kèm theo: 01 HĐ **Chứng từ gốc:**

Đã nhận đủ số tiền bằng số: 75.405 đồng

Ngày 13 Tháng 12 Năm 2009

Giám đốc (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
-----------------------------------	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Biểu số 20: Phiếu chi

CÔNG TY TNHH TM –DV DẦU KHÍ ANH THÚY

Số 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng.

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Tháng 12/ 2009				
....
PC88	13/12/2009	Trả tiền điện thoại bàn tháng 11/2009		642	75.405	
PC88	13/12/2009	Trả tiền điện thoại bàn tháng 11/2009		111		75.405
....
KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12		642	9.293.664	
KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12		214		9.293.664
SL112	31/12/2009	Lương bộ phận quản lý		642	23.900.000	
SL112	31/12/2009	Lương bộ phận quản lý		334		23.900.000
SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận quản lý		642	2.080.000	
SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận quản lý		334		2.080.000
SL312	31/12/2009	Tiền trách nhiệm		642	1.000.000	
SL312	31/12/2009	Tiền trách nhiệm		334		1.000.000
SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại		642	1.000.000	
SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại		334		1.000.000
....
		Tổng cộng			49.146.842.271	49.146.842.271

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 21: Trích Nhật ký chung tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hao mòn tài sản cố định

SHTK: 214

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>72.255.713</u>
31/01/2009	KHTS	31/01/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 1/2009			642		4.845.592
28/02/2009	KHTS	28/02/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 2/2009			642		4.845.592
31/03/2009	KHTS	31/03/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 3/2009			642		1.530.474
.....
31/12/2009	KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2009			642		9.293.664
.....
			Cộng phát sinh					116.987.728
			<u>Dư cuối kỳ</u>					<u>189.243.441</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 22: Trích sổ cái TK 214 tháng 12/2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

SHTK: 334

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>45.480.000</u>
05/12/2009	PCL	05/12/2009	Trả lương công nhân viên T11/2009			111	45.480.000	
.....
31/12/2009	SL112	31/12/2009	Lương phải trả nhân viên quản lý			642		23.900.000
31/12/2009	SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận quản lý			642		2.080.000
31/12/2009	SL312	31/12/2009	Tiền trách nhiệm			642		1.000.000
31/12/2009	SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại			642		1.000.000
.....
Cộng phát sinh							45.800.000	44.800.000
<u>Dư cuối kỳ</u>								<u>44.800.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 23: Trích sổ cái TK 334 tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

SHTK: 642

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
13/12/2009	PC88	13/12/2009	Trả tiền điện thoại bàn tháng 11/2009			111	75.405	
.....
31/12/2009	KHTS	31/12/2009	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2009			214	9.293.664	
31/12/2009	SL112	31/12/2009	Lương phải trả nhân viên quản lý			334	23.900.000	
31/12/2009	SL212	31/12/2009	Ăn ca của bộ phận quản lý			334	2.080.000	
31/12/2009	SL312	31/12/2009	Tiền trách nhiệm			334	1.000.000	
31/12/2009	SL412	31/12/2009	Tiền điện thoại			334	1.000.000	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển chi phí QLDN T12/2009 để xác định KQKD			911		79.295.865
.....
Cộng phát sinh							79.295.865	79.295.865
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

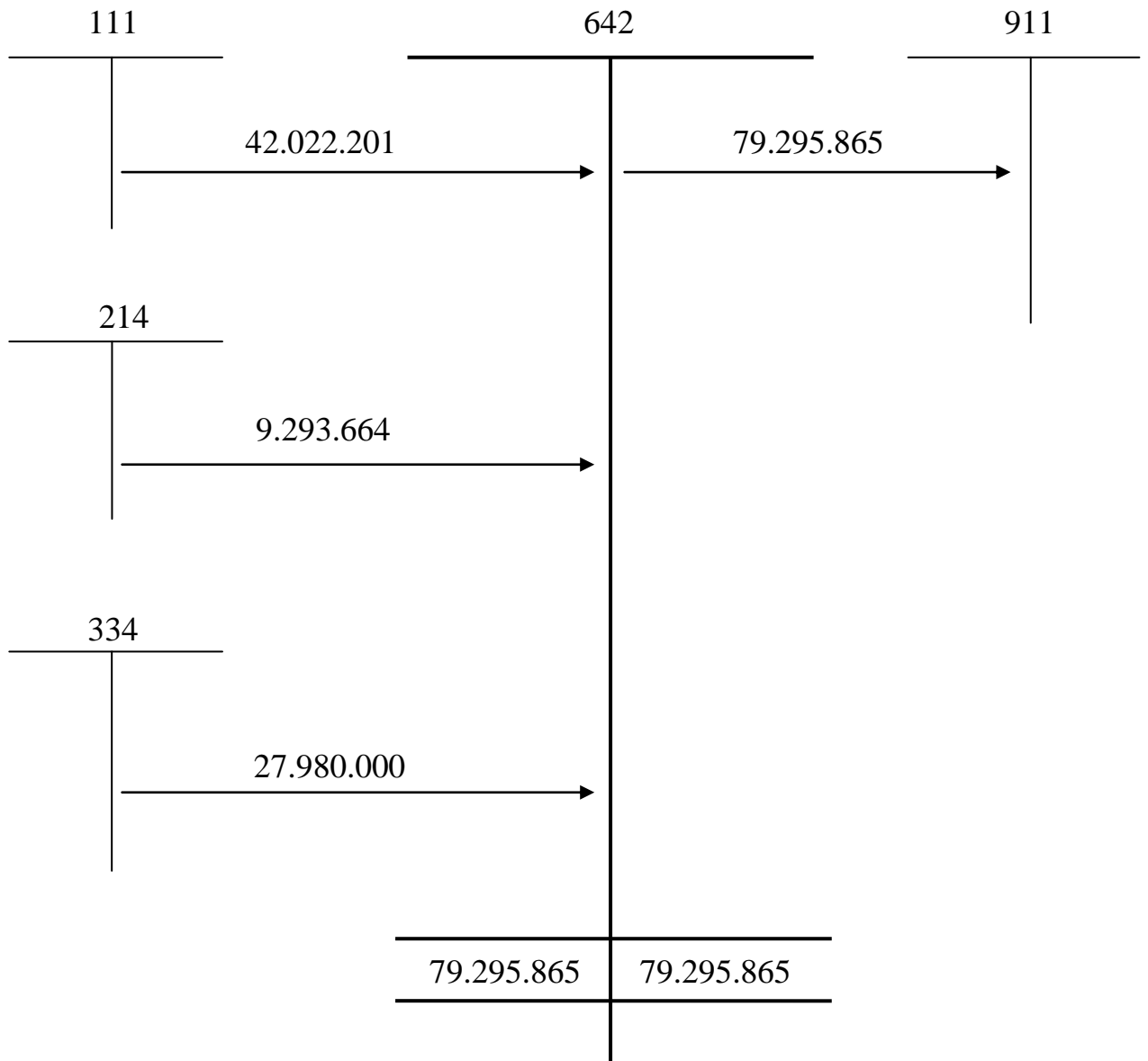
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 24: Trích sổ cái TK 642 tháng 12/2009.

2.2.2.3.2. Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp:

Căn cứ vào Sổ cái TK 641 tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy, ta có sơ đồ tổng hợp chi phí bán hàng tháng 12/2009 của Công ty như sau:



Sơ đồ 31: Sơ đồ tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

2.2.3.1. Kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh:

Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy xác định kết quả kinh doanh là tổng hợp của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi năm và theo dõi chi tiết trên TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh; TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

**Sổ sách liên quan:*

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, 512, 515, 711, 632, 641, 642, 811, 821, 911, 421
- Các sổ sách liên quan khác.

**Cách xác định kết quả kinh doanh:*

Kết quả kinh doanh = Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh + Kết quả hoạt động tài chính + Kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu từ hoạt động tài chính - Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2009, kế toán Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và kết chuyển chi phí cần thiết để xác định kết quả kinh doanh năm 2009 như sau:

1. Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 511: 63.270.029.166

Có TK 911: 63.270.029.166

2. Kết chuyển doanh thu tiêu thụ nội bộ:

Nợ TK 512:	128.156.698
Có TK 911:	128.156.698
3. Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515:	3.567.507
Có TK 911:	3.567.507
4. Kết chuyển thu nhập khác:

Nợ TK 711:	318.181.818
Có TK 911:	318.181.818
5. Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911:	61.667.439.700
Có TK 632:	61.667.439.700
6. Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí QLDN:

Nợ TK 911:	1.498.087.679
Có TK 641:	613.124.474
Có TK 642:	884.963.205
7. Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911:	59.249.673
Có TK 635:	59.249.673
8. Kết chuyển chi phí khác:

Nợ TK 911:	366.348.271
Có TK 811:	366.348.271
9. Xác định thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 821:	36.066.762
Có TK 3334:	36.066.762
10. Kết chuyển chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 911:	36.066.762
Có TK 821:	36.066.762
11. Kết chuyển lãi từ hoạt động kinh doanh:

Nợ TK 911:	92.743.104
Có TK 421:	92.743.104

Căn cứ vào các bút toán kết chuyển, kế toán sẽ tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, từ đó lập Sổ cái TK 911, TK 421 và các tài khoản khác có liên quan.

CÔNG TY TNHH TM –DV DẦU KHÍ ANH THÚY

Số 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng.

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<i>Tháng 12/ 2009</i>				
.....
KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu BH và CCDV		511	63.270.029.166	
KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu BH và CCDV		911		63.270.029.166
KQKD	31/12/2009	K/c DTBH nội bộ		512	128.156.698	
KQKD	31/12/2009	K/c DTBH nội bộ		911		128.156.698
KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu HĐTC		515	3.567.507	
KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu HĐTC		911		3.567.507
KQKD	31/12/2009	K/c thu nhập khác		711	318.181.818	
KQKD	31/12/2009	K/c thu nhập khác		911		318.181.818
KQKD	31/12/2009	K/c GVHB		911	61.667.439.700	
KQKD	31/12/2009	K/c GVHB		632		61.667.439.700
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí BH và QLDN		911	1.498.087.679	
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí BH và QLDN		641		613.124.474
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí BH và QLDN		642		884.963.205
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí tài chính		911	59.249.673	
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí tài chính		635		59.249.673

KQKD	31/12/2009	K/c chi phí khác		911	366.348.271	
KQKD	31/12/2009	K/c chi phí khác		811		366.348.271
KQKD	31/12/2009	Xác định thuế TNDN phải nộp		821	36.066.762	
KQKD	31/12/2009	Xác định thuế TNDN phải nộp		3334		36.066.762
KQKD	31/12/2009	K/c CP thuế TNDN phải nộp		911	36.066.762	
KQKD	31/12/2009	K/c CP thuế TNDN phải nộp		821		36.066.762
KQKD	31/12/2009	K/c lãi từ hoạt động kinh doanh		911	92.743.104	
KQKD	31/12/2009	K/c lãi từ hoạt động kinh doanh		421		92.743.104
		Tổng cộng			49.146.842.271	49.146.842.271

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 25: Trích Nhật ký chung tháng 12/ 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng nội bộ

SHTK: 512

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
.....
04/12/2009	0095436	04/12/2009	Xuất dầu nhớt FHS40 dùng nội bộ			641		84.000
04/12/2009	0095436	04/12/2009	Xuất dầu nhớt EP3 dùng nội bộ			641		52.728
04/12/2009	0095436	04/12/2009	Xuất dầu nhớt DELO dùng nội bộ			641		490.909
04/12/2009	0095436	04/12/2009	Xuất dầu nhớt Thu ban 140 dùng nội bộ			641		154.545
05/12/2009	0095441	05/12/2009	Xuất dầu DO tiêu dùng nội bộ			641		43.550.637
05/12/2009	0095441	05/12/2009	Xuất dầu nhớt tiêu dùng nội bộ			641		339.999
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c DT tiêu thụ nội bộ năm 2009			911	128.156.698	
Cộng phát sinh							128.156.698	128.156.698
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 26: Trích sổ cái TK 512 năm 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thu nhập khác

SHTK: 711

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
08/03/2009	0026517	08/03/2009	Bán xe ô tô INNOVA			111		318.181.818
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c thu nhập khác để xác định KQKD năm 2009			911	318.181.818	
			Cộng phát sinh				318.181.818	318.181.818
			<u>Dư cuối kỳ</u>					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 27: Trích sổ cái TK 711 năm 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

SHTK: 635

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
.....
15/12/2009	SNH	15/12/2009	Trích từ tài khoản ra để trả tiền lãi vay ngân hàng VID tháng 12			112	5.206.739	
31/12/2009	SNH	31/12/2009	Phí giao dịch ngân hàng VID			112	110.000	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh năm 2009			911		59.249.673
Cộng phát sinh							59.249.673	59.249.673
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 28: Sổ cái TK 635 năm 2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

SHTK: 515

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
.....
29/12/2009	SNH	29/12/2009	Ngân hàng VID trả lãi tiền gửi T12/2009			112		274.180
31/12/2009	SNH 144	31/12/2009	Ngân hàng Vietcombank trả lãi tiền gửi T12/2009			112		224.138
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh năm 2009			911	3.567.507	
Cộng phát sinh							3.567.507	3.567.507
<u>Dư cuối kỳ</u>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Sổ cái TK 515 năm 2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí khác

SHTK: 811

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có	
			<u>Dư đầu kỳ</u>						
08/03/2009	0026517	08/03/2009	Giá trị còn lại của xe ô tô INNOVA			211	366.348.271		
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c chi phí khác để xác định KQKD năm 2009			911		366.348.271	
Cộng phát sinh								366.348.271	366.348.271
<u>Dư cuối kỳ</u>									

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 30: Trích sổ cái TK 811 năm 2009

CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY

12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

SHTK: 911

Từ ngày 01/12/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu BH và CCDV			511		63.270.029.166
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/ c doanh thu tiêu thụ nội bộ			512		128.156.698
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c doanh thu từ hoạt động tài chính			515		3.567.507
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c thu nhập khác			711		318.181.818
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c giá vốn hàng bán			632	61.667.439.700	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c chi phí BH			641	613.124.474	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c chi phí QLDN			642	884.963.205	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c chi phí tài chính			635	59.249.673	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c chi phí khác			811	366.348.271	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c CP thuế TNDN phải nộp			821	36.066.762	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c lãi từ hoạt động kinh doanh			421	92.743.104	
			Cộng phát sinh				63.719.935.189	63.719.935.189
			<u>Dư cuối kỳ</u>					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 31: Sổ cái TK 911 năm 2009.

CÔNG TY TNHH TM – DV DÀU KHÍ ANH THÚY
 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

SHTK: 421

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày: 31/12/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>					<u>91.395.866</u>
31/01/2009	KQKD	31/01/2009	K/c lãi từ hoạt động kinh doanh tháng 01/2009			911		52.635.573
29/02/2009	KQKD	29/02/2009	K/c lãi từ hoạt động kinh doanh tháng 02/2009			911		88.388.072
.....
31/10/2009	KQKD	31/10/2009	K/c lỗ tháng 10/2009			911	31.827.834	
30/11/2009	KQKD	30/11/2009	K/c lỗ tháng 11/2009			911	127.066.454	
31/12/2009	KQKD	31/12/2009	K/c lỗ tháng 12/2009			911	357.031.693	
			Cộng phát sinh				595.648.725	815.736.841
			<u>Dư cuối kỳ</u>					<u>311.483.981</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

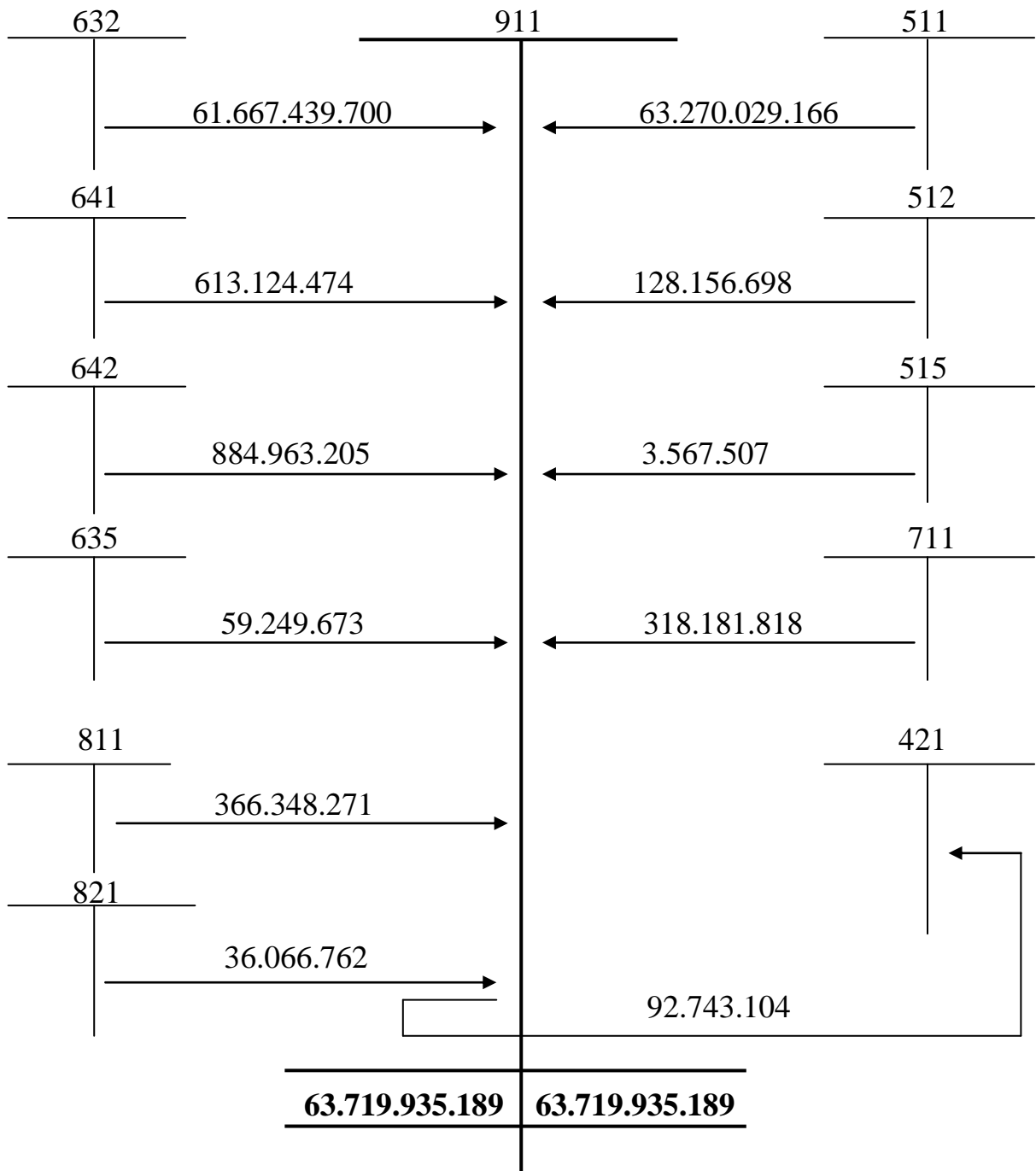
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 32: Sổ cái TK 421 năm 2009.

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh:

Căn cứ vào Sổ cái TK 911 năm 2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy, ta có sơ đồ tổng hợp chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty như sau:



Sơ đồ 32: Sơ đồ hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thủy.

Kết thúc năm tài chính 2009, kế toán tổng hợp số liệu và lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Người nộp thuế: Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy**Mã số thuế: 0200692848**

Địa chỉ trụ sở: 12/58 Đường vòng Vạn Mỹ - phường Vạn Mỹ

Quận/Huyện: Ngô Quyền

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 0313.753241

Fax: 0313.751606

Email:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	63.398.185.864	67.390.427.759
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		63.398.185.864	67.390.427.759
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	61.667.439.700	65.579.553.322
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.730.746.164	1.810.874.437
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.567.507	1.400.264
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	59.249.673	
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.249.673	
8	Chi phí bán hàng	24		613.124.474	1.316.115.445
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		884.963.205	395.721.310
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30 = 20 + (21–22) - (24+25))	30		176.976.319	100.437.946
11	Thu nhập khác	31		318.181.818	
12	Chi phí khác	32		366.348.271	
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(48.166.453)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.809.866	100.437.946
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	36.066.762	28.122.625
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60		92.743.104	72.315.321
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 23 tháng 03 năm 2010.

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ,
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY.****3.1. Nhận xét, đánh giá về tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh; về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:**

Những biến động không ngừng của nền kinh tế thị trường trong thời gian qua đã tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty, bên cạnh những thuận lợi, Công ty còn phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan và nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc Công ty, sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của tập thể công nhân viên, Công ty đã duy trì và đẩy mạnh được hoạt động kinh doanh, dần có chỗ đứng trên thị trường và được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu của đội ngũ nhân viên kế toán trong Công ty. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của Công ty không chỉ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng mà còn góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng, đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy, được sự giúp đỡ của các anh chị cán bộ, công nhân viên phòng kế toán cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo của thầy giáo Nguyễn Thành Tô, em đã hoàn thành công việc nghiên cứu công tác bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bằng những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường và thực tế, em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình ở dưới đây. Em hi vọng nó sẽ đóng góp một phần nhỏ bé giúp công tác kế toán của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

3.1.1. Ưu điểm:

Qua quá trình thực tập tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM - DV Dầu khí Anh Thúy, em nhận thấy bộ máy tổ chức quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao trình độ để đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh của Công ty, giúp Công ty dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình.

1. Về tổ chức bộ máy quản lý:

Cùng với sự khủng hoảng của nền kinh tế cả nước, Công ty cũng đã phải vượt qua năm 2009 với rất nhiều khó khăn, thách thức mới về giá cả, thị trường tiêu thụ, nhưng với sự đổi mới về cung cách quản lý, cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh đã góp phần đem lại cho Công ty những kết quả đáng mừng. Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, ngày càng có thêm nhiều bạn hàng mới, góp phần nhỏ bé vào việc tăng ngân sách nhà nước và giữ vững sự ổn định cho nền kinh tế nước nhà.

2. Về bộ máy kế toán:

Công ty đã thực hiện công tác tổ chức bộ máy kế toán một cách rất hợp lý, phân công, phân nhiệm công việc phù hợp với bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty, với khả năng và trình độ của mỗi người nên hoạt động rất có hiệu quả, cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình tài chính với cấp trên nhằm đưa ra các biện pháp kịp thời, nhanh chóng về tình hình tiêu thụ hàng hóa trên thị trường. Đây là vấn đề sống còn với bất kỳ công ty nào đang kinh doanh trong môi trường cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường.

Kế toán trưởng là người có rất nhiều kinh nghiệm, nhiều năm công tác trong nghề, có trình độ toàn diện về kế toán, hiểu biết và nắm vững các quyết định, chế độ kế toán, có khả năng điều hành và hướng dẫn các kế toán viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Vì vậy, các công việc của phòng kế toán luôn được thực hiện đúng, đầy đủ và nhịp nhàng theo quy định, đáp ứng nhu cầu quản lý về tài chính.

3. Về hình thức kế toán:

Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” theo các quy định của Bộ tài chính ban hành. Hình thức kế toán

này có thể áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp vì nó có ưu điểm là đơn giản, dễ theo dõi và thuận tiện cho việc phân công, phân nhiệm công việc trong công tác kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Việc áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung “ cho thấy Công ty đã biết khai thác khả năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công nhân viên phòng kế toán, tiết kiệm được thời gian, sức lao động mà vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc của phòng kế toán, cung cấp những thông tin tài chính chuẩn xác phục vụ cho quản lý điều hành doanh nghiệp nói chung và kế toán bán hàng – xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

4. Về sử dụng và luân chuyển chứng từ:

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của Công ty hợp lý, gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu giữ và bảo quản rất cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra hợp lý, chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

5. Về hệ thống và ghi chép sổ sách kế toán:

Tổ chức hệ thống kế toán là một công việc rất quan trọng và phức tạp, vì vậy phải biết vận dụng hệ thống tài khoản kế toán một cách phù hợp. Việc lựa chọn hình thức ghi sổ sách nào cho phù hợp với từng đơn vị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn hoàn chỉnh và có độ tin cậy cao.

+ Việc ghi chép kịp thời đảm bảo tính hợp lý và có cơ sở pháp lý giúp công tác giám sát tình hình Nhập – Xuất – Tồn kịp thời, cung cấp thông tin kinh tế cần thiết một cách chính xác đến bộ phận liên quan.

+ Ở phòng kế toán, Công ty phân công trách nhiệm rõ ràng cho mỗi người, do đó giúp cho việc ghi sổ được thực hiện một cách thống nhất, đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành trong bộ máy kế toán.

6. Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí kinh doanh là một trong những vấn đề luôn được các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu. Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng muốn giảm thiểu chi phí để nâng cao lợi nhuận, vì vậy phải luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai không chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Do đó mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty luôn được kế toán theo dõi cụ thể, chính xác trên từng tài khoản riêng biệt để có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ nhất.

7. Về công tác kế toán doanh thu:

Được sự hướng dẫn, theo dõi của kế toán trưởng giàu kinh nghiệm nên hiện nay doanh thu của Công ty luôn được theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình kinh doanh để từ đó có cách nhìn đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, quý, năm.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì Công ty còn những mặt hạn chế sau:

1. Về phương pháp tính giá vốn:

Giá vốn hàng bán là một chỉ tiêu quan trọng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, Công ty áp dụng tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Phương pháp này tuy đơn giản nhưng lại không mang lại hiệu quả chính xác và không phản ánh được

tình hình biến động của giá cả bởi vì đến cuối kỳ kế toán mới tính được trị giá vốn hàng xuất kho. Chính vì vậy, kế toán không phản ánh kịp thời tình hình biến động giá cả của hàng hóa, làm sai lệch kết quả kinh doanh của Công ty, cung cấp thông tin tài chính không chính xác làm ảnh hưởng đến việc ra quyết định quản trị của các nhà quản lý và ra quyết định đầu tư của các nhà đầu tư.

2. Về chi phí bán hàng:

Do trình độ của nhân viên kế toán còn hạn chế và ý thức làm việc chưa cao nên đã dẫn đến nhầm lẫn, một số khoản chi phí liên quan đến công tác bán hàng được hạch toán và ghi chép chưa chính xác, còn sai lệch.

Ví dụ:

- Khi xuất kho sản phẩm để tiêu dùng nội bộ, mặc dù tiêu dùng cho cả bộ phận quản lý nhưng kế toán chỉ hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Việc kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ cũng chưa đúng đắn, một số TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng thì kế toán lại ghi nhận vào chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận quản lý.

Kế toán làm như vậy là không đúng với quy định của Bộ tài chính và sẽ làm sai lệch số phát sinh của TK 641, làm cho tỷ lệ chi phí bán hàng trong tổng chi phí bị thay đổi.

3. Về chi phí quản lý doanh nghiệp:

Vì những nguyên nhân như trên đã dẫn đến sai sót trong hạch toán chi phí bán hàng của doanh nghiệp, từ đó cũng làm ảnh hưởng đến chi phí quản lý doanh nghiệp, làm sai lệch tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp và số phát sinh của TK 642. Thêm vào đó, do kế toán không lập Bảng phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp nên chi phí quản lý doanh nghiệp không được phân bổ rõ ràng.

4. Về việc thu hồi doanh thu bán chịu:

Đối với những khoản nợ tiền hàng và dịch vụ, Công ty không có bất kỳ một biện pháp nào để thu hồi công nợ bán hàng mà chỉ ngồi chờ đến khi nào khách hàng mang tiền đến thanh toán, bởi vì tinh thần làm việc của đội ngũ nhân viên kế toán chưa cao, vẫn còn thụ động, chưa thực sự tự giác làm việc vì lợi ích của Công ty.

Công ty vẫn còn tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn và vì bị chiếm dụng vốn nên Công ty bị hạn chế khả năng mở rộng quy mô kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ, điều này làm ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của Công ty, quỹ tiền mặt bị thu hẹp đáng kể, Công ty không có điều kiện để cải thiện đời sống cho người lao động và thực hiện các chính sách xã hội.

5. Về doanh thu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ:

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng, nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng vì họ luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường mà lại được hưởng nhiều ưu đãi. Tuy nhiên, do khả năng tài chính còn hạn hẹp và phương hướng kinh doanh còn cứng nhắc, chưa có các chính sách kinh tế thúc đẩy khách hàng mua và bán như: chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho những khách hàng mua với số lượng lớn nên Công ty chưa đẩy nhanh được doanh thu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ; và bị giảm sút một số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa của Công ty; khó thu hồi được công nợ và bị khách hàng chiếm dụng vốn.

6. Về hệ thống sổ sách sử dụng:

Mặc dù Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” nhưng trên thực tế vì sơ suất và chưa chú ý nên kế toán không lập Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại. Điều này gây khó khăn cho việc ghi sổ Nhật ký chung, lập các sổ cái, nhầm lẫn hoặc bỏ sót các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, làm ảnh hưởng đến tính chính xác của Báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan.

7. Về vận dụng phần mềm trong tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn luôn biến động về quy mô, cách thức quản lý, cách thức hạch toán.... Khi Công ty đang dần có chỗ đứng trên thị trường thì cũng là lúc khối lượng công việc ngày càng nhiều mà Công ty vẫn chưa áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, đặc biệt là vi tính, phần mềm vào công việc quản lý sản

xuất – kinh doanh và hạch toán kế toán, bởi vì tình hình tài chính của Công ty còn hạn hẹp mà chi phí mua phần mềm lại lớn, hơn nữa do trình độ của đội ngũ công nhân viên còn hạn chế. Điều này làm hao phí nhiều thời gian và nhân lực của bộ phận kế toán, công việc hạch toán được tiến hành chậm chạp hơn nhưng hiệu quả lại chưa cao hết mức, số liệu nhiều khi khờn chính xác, chưa nâng cao được trình độ nghiệp vụ cho nhân viên để theo kịp tiến bộ của khoa học – kỹ thuật.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay, cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ, lãi – lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn thực hiện, do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không; đồng thời là cơ sở cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí, mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng

hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán:

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

-Nguyên tắc thống nhất:

+ Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

+ Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

+ Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

-Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận được học, em nhận thấy trong công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì

phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

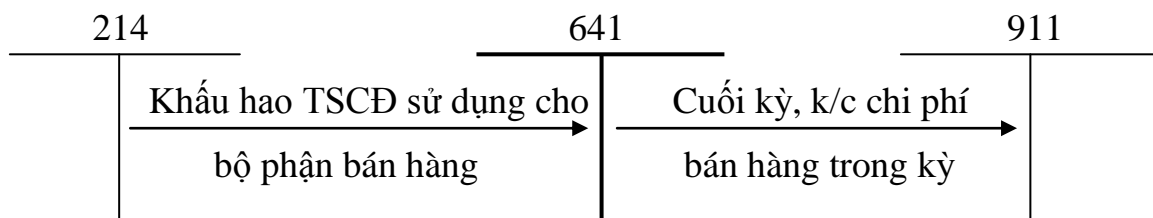
1. Về phương pháp tính giá vốn:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá vốn hàng xuất kho. Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, phương pháp này hạn chế tính kịp thời của các thông tin giá vốn, không cung cấp được những thông tin cần thiết về trị giá vốn hàng xuất cho mỗi lần biến động hàng hóa vì thời điểm xác định trị giá vốn hàng xuất kho được tính vào cuối tháng. Do việc tính hàng tồn kho có ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nên kế toán cần áp dụng một phương pháp nào để tính toán giá vốn một cách chính xác nhất, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý vào bất cứ thời điểm nào. Theo em, Công ty nên áp dụng phương pháp FIFO – Nhập trước xuất trước để tính giá vốn hàng xuất kho. Khi sử dụng phương pháp này, kế toán tập hợp số liệu sẽ dễ dàng hơn và tính giá vốn xuất kho cũng chính xác hơn, sẽ thể hiện được sự biến động của giá cả.

2. Về chi phí bán hàng:

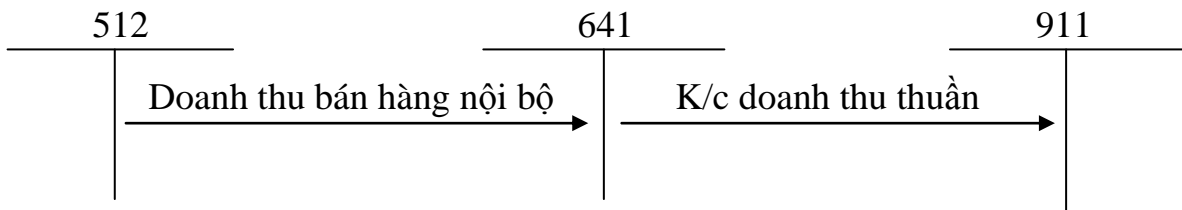
Để đảm bảo cho việc thực hiện đúng theo các quy định của Bộ tài chính ban hành, kế toán nên tiến hành hạch toán lại các khoản chi phí bán hàng.

-Xác định rõ TSCĐ nào dùng cho bộ phận bán hàng, TSCĐ nào dùng cho bộ phận quản lý để hạch toán chính xác chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ cho từng bộ phận. Đối với những TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng thì nên hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 33: Hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng.

- Hạch toán doanh thu tiêu dùng nội bộ cho cả bộ phận quản lý chứ không chỉ riêng bộ phận bán hàng. Đối với những hàng hóa tiêu dùng cho bộ phận bán hàng thì nên hạch toán theo sơ đồ sau:



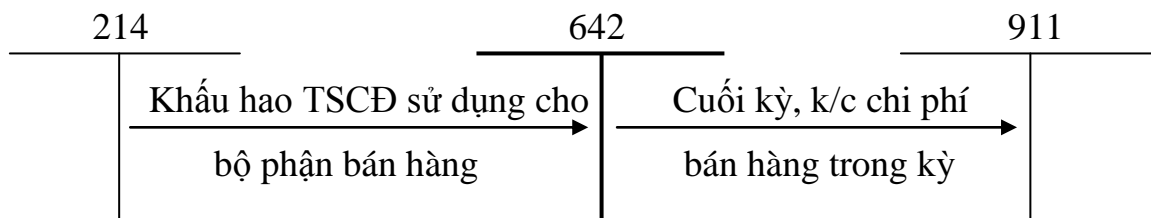
Sơ đồ 34: Hạch toán doanh thu tiêu thụ nội bộ cho bộ phận bán hàng.

Với các biện pháp này, kế toán sẽ tránh được nhầm lẫn, phản ánh đúng số phát sinh và tỷ lệ chi phí bán hàng, không gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

3. Về chi phí quản lý doanh nghiệp:

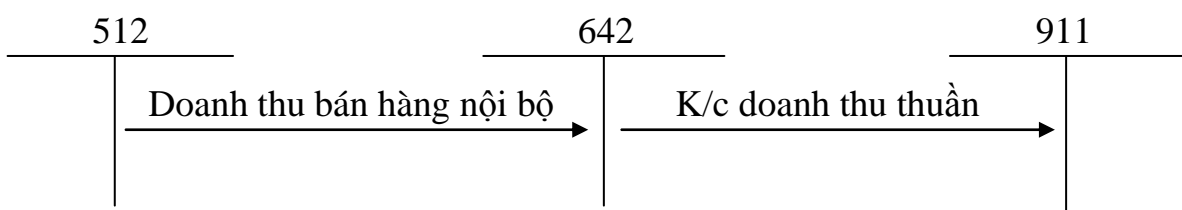
Công ty nên thực hiện những biện pháp tương tự như đối với chi phí bán hàng để xác định đúng mức chi phí quản lý doanh nghiệp. Đồng thời, kế toán nên tiến hành lập Bảng phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp để có thể kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp một cách chặt chẽ hơn.

- Nên hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ của những tài sản sử dụng cho bộ phận quản lý như sau:



Sơ đồ 35: Hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận quản lý.

-Đối với những hàng hóa xuất dùng cho bộ phận quản lý nên hạch toán doanh thu tiêu thụ nội bộ như sau:



Sơ đồ 36: Hạch toán doanh thu tiêu thụ nội bộ cho bộ phận quản lý.

Tương tự như đối với chi phí bán hàng, khi áp dụng các biện pháp trên thì kế toán sẽ giảm thiểu được nhầm lẫn, phản ánh đúng số phát sinh và tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp, từ đó xác định đúng dẫn kết quả kinh doanh.

4. Về việc thu hồi công nợ bán hàng:

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm, mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

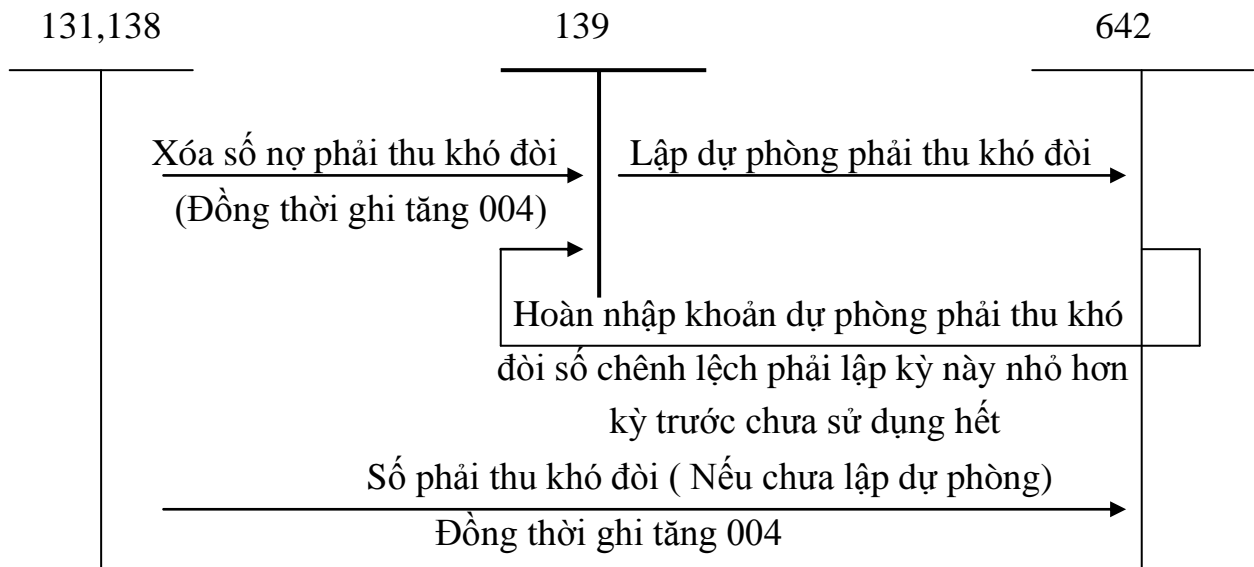
Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.
- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.



Sơ đồ 37: Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.

*Chú ý: Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ thì việc xóa nợ phải tuân theo đúng chế độ tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 711 – Thu nhập khác.

Đồng thời ghi Nợ TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 711- Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý).

Với những việc làm trên sẽ giúp Công ty thu hồi được các khoản nợ một cách dễ dàng hơn, làm cho tình hình tài chính của Công ty vững vàng hơn, không bị ảnh hưởng lớn khi phát sinh các khoản phải thu khó đòi.

5. Về doanh thu tiêu thụ hàng hóa:

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ; đặc biệt là chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách Chiết khấu thanh toán, Chiết khấu thương mại hoặc Giảm giá hàng bán.

**Chiết khấu thương mại:* Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với Công ty, Công ty có thể: giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với Công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, Công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác khi kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại Công ty sử dụng tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán:

-Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Số tiền chiết khấu đã trừ thuế GTGT phải nộp

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Có TK 111,112 – Số tiền trả lại khách hàng

Có TK 131 – Trừ vào nợ phải thu.

-Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận trả cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Kết chuyển chiết khấu thương mại.

* *Giảm giá hàng bán:*

- Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532 – Trị giá hàng bán được giảm không có thuế GTGT

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Có TK 111, 112 – Số tiền trả lại khách hàng

Có TK 131 – Trừ vào nợ phải thu.

- Cuối kỳ hạch toán, kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 532 – Kết chuyển giảm giá hàng bán.

Kế toán Công ty nên hạch toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán theo quy trình như sơ đồ 12 và sơ đồ 14 đã nêu ở trên.

**Chiết khấu thanh toán:* Là khoản tiền mà doanh nghiệp trả cho người mua khi người mua thanh toán ngay tiền hàng hoặc thanh toán trước thời hạn quy định ghi trong hợp đồng kinh tế.

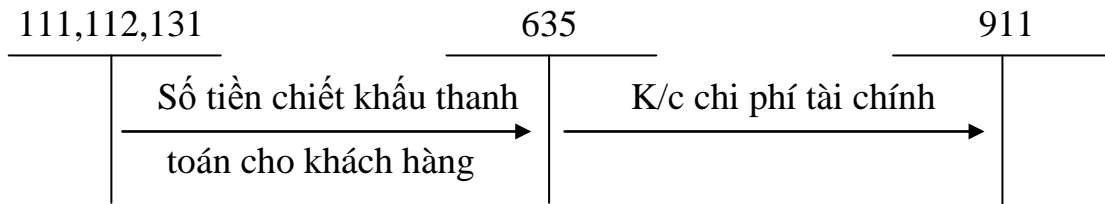
Đề hạch toán chiết khấu thanh toán, Công ty sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 635 – Số tiền cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán.

Có TK 111, 112 – Số tiền trả lại cho khách hàng.

Kế toán nên hạch toán khoản chiết khấu thanh toán theo quy trình sau:



Sơ đồ 38: Hạch toán chiết khấu thanh toán dành cho khách hàng.

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho Công ty, đáp ứng yêu cầu hạch toán kế toán tiêu thụ. Với các biện pháp khuyến mãi này có thể Công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được số lượng khách hàng mới trong tương lai và có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

6. Về hệ thống sổ sách sử dụng:

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang áp dụng là hình thức “ Nhật ký chung”. Hàng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung để theo dõi. Nhưng mỗi ngày đều có rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, vì vậy kế toán nên tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại vào Bảng tổng hợp kế toán chứng từ gốc cùng loại giúp cho việc lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính dễ dàng hơn.

7. Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán:

Ngày nay, khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một tất yếu, bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, vừa giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung ”, tuy hình thức này đơn giản nhưng số lượng ghi sổ rất nhiều, phải cộng dồn với những con số công kênh nên việc áp dụng phần mềm vi tính là rất phù hợp. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “ Nhật ký chung ”.

Sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính giúp giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được tính chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán.

3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác, tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.5. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:

Những năm qua, mặc dù giá cả xăng dầu thế giới biến động không ngừng đã tác động không nhỏ tới thị trường xăng dầu trong nước nói chung và Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy nói riêng. Nhưng bằng nỗ lực, sự nhạy bén trong kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp Công ty đứng vững và không

ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn nên Công ty đang ngày càng phát triển.

Hiệu quả kinh doanh của Công ty tăng dần, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước. Tuy nhiên, để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh dựa vào nguồn lực sẵn có và khắc phục được nhược điểm của Công ty trong những năm qua, Công ty cần thực hiện những biện pháp sau:

- Tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường, duy trì và ổn định thị trường truyền thống.

- Quản lý và sử dụng triệt để TSCĐ, sử dụng tiết kiệm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán để tăng lợi nhuận cao hơn cho Công ty.

- Giảm chi phí quản lý: tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả sẽ góp phần làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Giảm các chi phí tiếp khách, hội họp.

Trong cơ chế quản lý mới, hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng, một công cụ quản lý tài chính tích cực trong điều hành, kiểm soát hoạt động kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường, sự cạnh tranh đang trở nên quyết liệt, do vậy nắm bắt thông tin kinh tế nhanh chóng, kịp thời, chính xác là chìa khóa mang lại sự thành công cho mỗi doanh nghiệp. Để có được điều đó thì bộ máy kinh tế của đơn vị phải được tổ chức và hoạt động có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư. Chính vì lẽ đó, việc hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp cần phải được hoàn thiện.

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy” đã nêu được các vấn đề cơ bản về lý luận doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và các kiến nghị cần hoàn thiện ở Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy nói riêng và các doanh nghiệp thương mại nói chung:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh; về kế toán doanh thu, kế toán chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được một cách khách quan công tác hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy với số liệu của năm 2009 để minh chứng cho các lập luận đã đưa ra trong khóa luận.

- Đối chiếu giữa lý luận với thực tế, hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy: khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Những ý kiến này tuy còn mang màu sắc lý thuyết, song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên mang tính khả thi. Đây cũng là một đóng góp nhỏ bé cho công tác hạch toán kế toán hiện nay

đối với Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy nói riêng và các doanh nghiệp thương mại nói chung.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của Ban giám đốc Công ty; các anh chị cán bộ, công nhân viên phòng kế toán và thầy giáo hướng dẫn cùng các thầy cô giáo trong khóa để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy, các anh chị cán bộ, công nhân viên phòng kế toán của Công ty và thầy giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm...

Sinh viên

Đỗ Thị Hồng Nhung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán

Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.

2. Nguyên lý kế toán – TS. Trần Đình Phụng

TS. Hà Xuân Thạch

THS. Phạm Ngọc Toàn

Nhà xuất bản Thống kê.

3. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp – Chủ biên: GS.TS. Đặng Thị Loan

Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Một số nét về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh:	3
1.1.1. Về doanh thu:	3
1.1.1.1. Khái niệm:	3
1.1.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp:.....	3
1.1.1.3. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu:	4
1.1.1.4. Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	8
1.1.2. Về chi phí:	9
1.1.2.1. Khái niệm:	9
1.1.2.2. Vai trò, vị trí của chi phí trong các doanh nghiệp:.....	9
1.1.2.3. Các loại chi phí:.....	9
1.1.3. Về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:	12
1.1.3.1. Khái niệm:	12
1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:	13
1.1.3.3. Ý nghĩa, tác dụng, vai trò của kết quả kinh doanh:.....	13
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:	14
1.2. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:	14
1.2.1. Kế toán doanh thu:	14
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu:	14
1.2.1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng:.....	14
1.2.1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:	23
1.2.1.2. Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính:	27
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:.....	28

1.2.2. Kế toán chi phí:	30
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	30
1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng:.....	34
1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	37
1.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính:	39
1.2.2.5. Kế toán chi phí khác:.....	41
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	43
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY.	46
2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:.....	46
2.1.1. Quá trình thành lập:.....	46
2.1.2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh:.....	47
2.1.3. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong vài năm gần đây:	47
2.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	49
2.1.5.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	51
2.2. Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:.....	54
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy	54
2.2.1.1. Đặc điểm công tác kế toán bán hàng của Công ty:	54
2.2.1.2. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng:.....	55
2.2.1.3. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng:	64
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	64
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	64
2.2.2.1.1. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán:.....	64
2.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán:	73
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng:.....	73
2.2.2.2.1. Kế toán chi tiết chi phí bán hàng:	73

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng:	80
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	81
2.2.2.3.1. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp: (tương tự kế toán chi.....	81
2.2.2.3.2. Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp:	87
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:.....	88
2.2.3.1. Kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh:.....	88
2.2.3.2. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh:	99
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM – DV DẦU KHÍ ANH THÚY.	101
3.1. Nhận xét, đánh giá về tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh; về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	101
3.1.1. Ưu điểm:	102
3.1.2. Nhược điểm:	104
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:.....	107
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:.....	107
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán:	108
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	108
3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:	116
3.2.5. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM – DV Dầu khí Anh Thúy:	116
KẾT LUẬN	118
TÀI LIỆU THAM KHẢO	120